

# CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

✎ BBT

**N**gày 01/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN). Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 58 của Luật KH&CN liên quan đến doanh nghiệp KH&CN.

Theo đó, điều kiện cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN là: (a) Được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp; (b) Có khả năng tạo ra hoặc ứng dụng kết quả KH&CN được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định, công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này; (c) Có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu. Đối với doanh nghiệp mới thành lập dưới 5 năm đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm (a) và (b) nêu trên được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN.

Tại Nghị định này có nhiều chính sách ưu đãi doanh nghiệp KH&CN như miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; ưu đãi tín dụng... Cụ thể:

- Về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập của doanh nghiệp KH&CN từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN được hưởng ưu



► Bà Nguyễn Thị Kiều Phúc - Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao NASA Đắc Nông nhận Giấy chứng nhận Doanh nghiệp KH&CN

đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể: được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

- Doanh nghiệp KH&CN được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai. Sở KH&CN có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ khi xác định diện tích đất được miễn, giảm cho mục đích KH&CN. Thủ tục, hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất và quản lý thuế.

- Về ưu đãi tín dụng, các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN của doanh nghiệp KH&CN được vay vốn tín dụng đầu tư

của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Doanh nghiệp KH&CN được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Doanh nghiệp KH&CN được ưu tiên, không thu phí dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu KH&CN của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới...

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định cụ thể về hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/3/2019.

## QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Diệu Tâm

Ngày 14/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND quy định quản lý nhà nước việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó quy định việc quản lý nhà nước về việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh Đắk Nông, dưới các hình thức chương trình KH&CN; đề tài KH&CN; đề án khoa học; dự án sản xuất thử nghiệm; dự án KH&CN; đề tài KH&CN, dự án KH&CN tiềm năng, bao gồm các khâu xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí, phê duyệt, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu, công nhận và chuyển giao kết quả, thanh lý hợp đồng, thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Quyết định này ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu tinh gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương về lĩnh vực KH&CN, tránh việc chồng chéo về nội dung và thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN

trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Theo đó, Quyết định có một số điểm mới như:

*\* Về quy trình tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng*

(1) Xây dựng đề xuất đặt hàng

Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch KH&CN hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở KH&CN thông báo định hướng phát triển KH&CN ưu tiên của tỉnh và thời hạn gửi đề xuất, đặt hàng đến các tổ chức, cá nhân.

Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã trong tỉnh lựa chọn các đề xuất đặt hàng, tổ chức lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia độc lập đối với đề xuất đặt hàng. Trên cơ sở ý kiến tư vấn các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã hoàn thiện và gửi đề xuất đặt hàng cho Sở KH&CN.

Sở KH&CN tổng hợp đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các đơn vị, tổ chức, cá nhân và những vấn đề KH&CN theo Quy định này gửi các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã trong tỉnh xem xét sự cần thiết, phù hợp và xây dựng đề xuất đặt hàng.

Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều

của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

(2) Tổng hợp các đề xuất đặt hàng: Sở KH&CN tổng hợp các đề xuất đặt hàng, đề xuất của các tổ chức, cá nhân sau khi đã lấy ý kiến về sự cần thiết của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã có liên quan và tự đề xuất những vấn đề KH&CN cần giải quyết ở cấp tỉnh; tổ chức lấy ý kiến hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

(3) Sở KH&CN tổ chức hội đồng tư vấn theo chuyên ngành KH&CN phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng.

(4) Sở KH&CN tổng hợp danh mục đặt hàng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo kết quả xác định nhiệm vụ KH&CN cho các Sở, ngành, huyện, thị xã có đề xuất đặt hàng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đặt hàng.

*\* Về nguyên tắc, điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp:* được thực hiện theo các quy định mới tại thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

*\* Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham*

gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cũng được quy định rõ, trong đó nhấn mạnh đến việc phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện các công đoạn triển khai nhiệm vụ KH&CN theo hướng hiệu quả và tăng khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Quyết định số 37/2018/QĐ-

UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019 và thay thế cho các Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND, ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định quản lý Nhà nước các nhiệm vụ KH&CN tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND, ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định việc

đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND, ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Đắk Nông.

## TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

✎ BBT

**N**gày 19/01/2019, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tại Quyết định số 100/QĐ-TTg.

Đề án nhằm hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, văn bản, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc; Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc để phục vụ hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa; Nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về truy xuất nguồn gốc thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho các bên liên quan; Đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu về truy xuất nguồn gốc.

Trong đó, phần đầu giai đoạn đến năm 2020, rà soát các văn

bản quy định, pháp luật về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc; Xây dựng, ban hành tối thiểu 5 tiêu chuẩn quốc gia, 1 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc và tài liệu hướng dẫn áp dụng; Triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với một số nhóm sản phẩm, hàng hóa trong nước như nông lâm thủy sản, thực phẩm, thuốc chữa bệnh; xây dựng và đưa vào vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Giai đoạn đến năm 2025, hoàn thiện cơ bản hệ thống các văn bản quy định, pháp luật về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc; Xây dựng tối thiểu 30 tiêu chuẩn quốc gia và 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc, các tài liệu hướng dẫn áp dụng cho từng nhóm sản phẩm cụ thể; Tối thiểu 30% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

sử dụng mã số, mã vạch tại Việt Nam có hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế; Hoàn thiện nâng cấp Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia, bảo đảm kết nối 100% hệ thống truy xuất nguồn gốc của các bộ, cơ quan liên quan và ít nhất 70% trong tổng số các đơn vị cung cấp giải pháp tại Việt Nam.

Giai đoạn đến năm 2030, hoàn thiện Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, bảo đảm nhu cầu trao đổi và khai thác thông tin của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; Hoàn thiện hệ thống quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa trong nước và quốc tế.

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, phối hợp và hướng dẫn các bộ, ngành liên quan triển khai Đề án.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẮK NÔNG 15 NĂM:

## **THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

 Đinh Văn Thuận

Phó giám đốc Trung tâm TT&UDKHCN Đắc Nông

**T**ừ ngày thành lập tỉnh (01/01/2004) đến nay, mặc dù còn có những khó khăn, hạn chế nhưng với sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực và trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học. Ngành khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh Đắc Nông đã có những bước phát triển tích cực, khẳng định vai trò, vị trí với những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh. Hoạt động KH&CN được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, cơ chế quản lý được đổi mới, tiềm lực KH&CN của tỉnh có bước phát triển; những nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đã đem lại hiệu quả kinh tế quan trọng. Các nhiệm vụ khoa học đã được triển khai hướng vào những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, văn hoá... theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**Một số thành tựu KH&CN đạt được trong 15 năm qua**

*Về công tác tham mưu ban*

*hành văn bản và chính sách KH&CN*

Từ 2004 đến nay, ngành KH&CN đã chủ trì, tham gia xây dựng, đề xuất các chính sách, quy hoạch, chương trình, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh làm cơ sở để ban hành các chủ trương, chính sách, nghị quyết về lĩnh vực KH&CN. Nhiều chương trình được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào nghị quyết, được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để triển khai thực hiện, góp phần khẳng định đóng góp của KH&CN vào sự phát triển KT-XH chung của tỉnh.

Trong số các chủ trương, nghị quyết đó, đáng chú ý là Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua đề án “Chiến lược KH&CN tỉnh Đắc Nông đến năm 2020 và tầm nhìn 2030”; Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 02/8/2013 của Tỉnh ủy về “Phát triển KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; Chương trình hành động số 07-CT/TU, ngày 16/3/2006 của Tỉnh ủy, thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng

công nghệ sinh học trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Chương trình hành động số 46-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 234-TB/TW của Bộ Chính trị về báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII) về KH&CN và nhiệm vụ giải pháp phát triển KH&CN từ nay đến năm 2020; Kế hoạch số 53-KH/TU của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chương trình 07 của Tỉnh ủy; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và hội nhập của tỉnh; Quy chế về hoạt động và quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắc Nông... Tham mưu UBND tỉnh Đắc Nông ban hành 33 Văn bản thực hiện công tác quản lý nhà nước về KH&CN. Ngoài ra, Giám đốc Sở KH&CN cũng ban hành nhiều văn bản hướng dẫn đôn đốc thực hiện công tác quản lý chuyên ngành KH&CN tại địa phương.

*Về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN*

Trong những năm qua, công tác quản lý hoạt động KH&CN từng bước được đổi mới và đạt được một số kết quả bước đầu. Việc xây dựng



► Trưng bày một số công trình nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh. Ảnh: Mai Hoa

và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phục vụ các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh. Vấn đề tuyển chọn, giao trực tiếp, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ngày càng chặt chẽ, tăng hiệu quả ứng dụng của kết quả nghiên cứu. Cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN đã từng bước được đổi mới theo hướng xã hội hoá và gắn kết với sản xuất, kinh doanh. Cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động KH&CN đã được thực hiện theo tinh thần của Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản hướng dẫn, từ đó đơn giản hóa thủ tục tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân chủ động hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và giảm bớt các khâu trung gian không cần thiết. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn quản lý KH&CN cấp

tỉnh, huyện từng bước được củng cố theo hướng tinh gọn hiệu lực, hiệu quả.

#### *Về tiềm lực KH&CN*

Tiềm lực KH&CN được tăng cường. Công tác đào tạo, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực KH&CN luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các cấp lãnh đạo. Thông qua các chiến lược, quy hoạch nguồn nhân lực, chủ trương, chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ KH&CN trong tỉnh ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Hàng năm, công tác rà soát, quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong tỉnh được quan tâm thực hiện, đặc biệt là công tác đào tạo sau đại học, đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn... Đây là vấn đề rất quan trọng trong phát triển tiềm lực KH&CN của địa phương trong xu thế hội nhập quốc tế. Đến

nay, trong tổng số 17.362 cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh, có 11.269 người trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên. Trong đó, có 4 tiến sỹ, 443 thạc sỹ, 8.724 đại học và 2.098 cao đẳng. Trang thiết bị công nghệ phục vụ công tác chuyên môn tại các sở, ngành được tăng cường; các doanh nghiệp trong tỉnh đã mạnh dạn đầu tư thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

Công tác hợp tác, liên kết với các Viện Nghiên cứu, Trường Đại học đã được chú trọng, thông qua quá trình hợp tác nghiên cứu nhằm tiếp thu, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, phù hợp với địa phương, góp phần phục vụ cho phát triển KT-XH tại địa phương như: Chương trình hợp tác với Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên...

#### *Về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã có bước phát triển mới, đóng góp thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống, thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh. Các nhiệm vụ nghiên cứu bám sát thực tiễn của địa phương, trong lĩnh vực nông

nghiệp nhiều giống cây trồng, vật nuôi và các biện pháp canh tác được đưa vào áp dụng, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ngày càng gắn kết hơn với đời sống xã hội, phục vụ công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần nâng cao đời sống văn hóa xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng ở địa phương...

Trong giai đoạn 2004 đến nay, đã triển khai thực hiện 219 nhiệm vụ KH&CN, với tổng kinh phí sự nghiệp khoa học là 70.098,050 triệu đồng, gồm: 17 nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, trong đó 04 đề tài độc lập cấp nhà nước, 12 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi (08 dự án do Trung ương quản lý, 04 dự án ủy quyền địa phương quản lý) và 01 Dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; 110 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, trong đó có 44 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thủy sản (40%); 36 nhiệm vụ khoa học xã hội (32,7%); 07 nhiệm vụ khoa học nhân văn (6,4%); 11 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Công nghiệp, xây dựng, giao thông, thủy lợi, công nghệ thông tin (10%); 08 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế - giáo dục (7,3%); 04 nhiệm vụ khoa học khác (3,6%); 92 nhiệm vụ KH&CN cấp huyện.

Kết quả các đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN đã góp

phần tích cực trong việc cung cấp các luận cứ khoa học quan trọng cho quá trình hoạch định chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất trong nông - lâm nghiệp. Các quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất giống trong phát triển nông nghiệp và thủy sản được thông qua các đề tài, dự án nghiên cứu đã đạt được nhiều tiến bộ rõ nét. Từ sự lệ thuộc hầu như hoàn toàn vào ngoài tỉnh, thiếu nguồn giống chất lượng phục vụ sản xuất, đến nay, qua 15 năm triển khai thực hiện các đề tài, dự án và nhiệm vụ KH&CN đã giảm nhiều sự lệ thuộc vào các tỉnh khác, cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất tại chỗ và làm chủ được các quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất giống cây trồng tại địa phương như: Cà phê, hồ tiêu, điều, mắc ca, cây ăn quả...

### *Về ứng dụng tiến bộ KH&CN*

Hoạt động ứng dụng KH&CN được triển khai toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực mang lại những hiệu quả thiết thực, giúp người dân áp dụng vào đời sống sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần phát triển KT-XH chung của tỉnh. Cụ thể:

Trong sản xuất nông - lâm nghiệp: Đưa các giống mới cho năng suất cao, chất lượng tốt vào thay thế các giống kém chất lượng đối với các loại cây

trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh như: Cà phê, hồ tiêu, cao su, bò thịt...; ứng dụng công nghệ cao (nuôi cấy mô, nhà màng, nhà lưới, tưới tiết kiệm nước...) trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần tích cực vào nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tăng hiệu quả kinh tế phục vụ phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp bền vững của địa phương.

Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Đã nhận chuyển giao các kỹ thuật hiện đại và triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại trong phát hiện chẩn đoán và điều trị bệnh tiêu biểu như: Kỹ thuật chạy thận nhân tạo, phẫu thuật nội soi, vi phẫu, tạo dây chằng khớp gối, nối mạch máu, thần kinh, khâu vết thương tim hờ... Sử dụng các loại vắc xin và các chế phẩm sinh học thế hệ mới trong phòng chống bệnh tật, dịch tễ. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu thử nghiệm và sử dụng các loại dược liệu quý nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đã được quan tâm đầu tư thích đáng, việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về công nghệ thông tin trong giảng dạy giúp đội ngũ giáo viên và học sinh tiếp cận kiến thức một cách nhanh và hiệu quả. Các hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường phổ thông được chú trọng đẩy mạnh, từ đó tạo ra nhiều sản phẩm có

giá trị thực tiễn mang tính ứng dụng cao.

Trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, xây dựng, cơ khí...: Cũng có bước phát triển quan trọng. Nhiều công nghệ mới được ứng dụng và triển khai như: Công nghệ biogas; công nghệ tự động hóa khâu bổ sung nhiên liệu lò nung liên tục kiểu đứng sản xuất gạch ngói; công nghệ chế biến bảo quản nông sản quy mô vừa và nhỏ; công nghệ dệt hoa văn trên thổ cẩm,...

Thông qua việc ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống, đã làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, góp phần vào tăng trưởng ngành nông nghiệp của tỉnh. Riêng năm 2018, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 5,96% tổng giá trị gia tăng (giá 2010) đạt 8.288 tỷ đồng. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất trồng trọt của tỉnh tăng từ 34,91 triệu đồng năm 2010 lên 75 triệu đồng năm 2015; năm 2016 đạt trên 77 triệu đồng/ha và năm 2017 đạt trên 80 triệu đồng/ha.

### **Mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển KH&CN trong thời gian tới**

#### ***Mục tiêu phát triển KH&CN***

Xây dựng những luận cứ khoa học cho việc đề ra các chủ trương, chính sách phát triển KT-XH theo lộ trình thích hợp, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống, đổi mới và nâng cao trình độ KH&CN, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng cho sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh của một số sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ của đơn vị theo dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp với Bộ KH&CN dự án “Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên Đài truyền hình Đắk Nông” thuộc nhóm do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý và dự án “Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho một số sản phẩm đặc thù tỉnh Đắk Nông” thuộc nhóm do Trung ương quản lý.

Tăng cường công tác quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ, tư vấn lựa chọn công nghệ phù hợp, ưu tiên phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản và khai khoáng góp phần phát triển KT-XH và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng chung của tỉnh. Hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đổi mới, phát triển công nghệ.

Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến phù

hợp với mỗi loại hình doanh nghiệp (ISO 9000, ISO 14000, HACCP, GMP, SA8000 ...) cũng như các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa một cách bền vững. Tham gia tích cực và có hiệu quả hoạt động giải thưởng chất lượng Quốc gia hàng năm và các hình thức tôn vinh khác.

Mở rộng khả năng kiểm định phương tiện đo đáp ứng nhu cầu kiểm định đạt từ 85 - 90% tổng số phương tiện đo hiện đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh.

### ***Định hướng và giải pháp thực hiện***

#### ***- Định hướng:***

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 02/8/2013 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc phát triển KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Chú trọng công tác đào tạo kỹ thuật, nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn đối với cán bộ, viên chức. Triển khai thực hiện tốt công tác nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KH&CN đến với người nông dân.

Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, nhất là các nội dung có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giúp người dân nắm bắt thông tin kịp thời. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến và phát triển thị trường công nghệ. Đặc biệt hướng vào việc thông tin giới thiệu quảng



► Nhà máy Alumin Nhân Cơ: Cán đích công suất trước dự kiến, hiệu quả kinh tế cao - Nguồn: <https://baomoi.com>

bá các sản phẩm tiêu biểu góp phần phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của địa phương.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ, nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân về lĩnh vực này, đặc biệt là thực hiện tốt các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đáp ứng quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh và tăng cường hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trong các doanh nghiệp nhằm tăng khả năng cạnh tranh, tăng sản xuất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ xây dựng, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ của đơn vị. Bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn các cơ

sở bức xạ, thống kê, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở, thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ mới đảm bảo an toàn môi trường và sức khỏe người dân, có kế hoạch ứng phó kịp thời các sự cố bức xạ góp phần đảm bảo an toàn trong hoạt động bức xạ và không bị tác động bởi các rủi ro bức xạ gây ra. Đồng thời, thường xuyên triển khai công tác tuyên truyền hướng dẫn phổ biến các quy định của pháp luật về An toàn bức xạ cho các cơ sở.

Hoàn thiện cơ chế và chính sách quản lý chất lượng theo quan điểm mới. Đẩy mạnh hoạt động chất lượng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của sản phẩm, dịch vụ. Hoạt động thử nghiệm và kiểm định phương tiện đo, đáp ứng nhu cầu thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hoá và nhu cầu kiểm định các phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định đang sử dụng trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện:

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Tập trung tổng kết các vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển KT-XH, tổ chức quản lý và sản xuất trong các thành phần kinh tế; vấn đề thực hiện các chính sách xã hội; vấn đề dân cư, dân tộc, tôn giáo, an ninh, quốc phòng; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, quan tâm, sưu tầm tài liệu phục vụ nghiên cứu lịch sử địa phương, giáo dục truyền thống.

Lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn: Xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng tiểu vùng sinh thái, bảo đảm sự phát triển hợp lý giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa nông nghiệp và lâm nghiệp và chuyển mạnh sang đầu tư theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm.

Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh; hình thành các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; chuyển giao, ứng dụng từng khâu phù hợp, nâng cao việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng, nhanh và bền vững, tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp có giá trị và khả năng cạnh tranh



cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chuyển giao kỹ thuật tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; xây dựng và phát triển các cơ sở sản xuất giống ở một số vùng trọng điểm; ứng dụng công nghệ cao và các kỹ thuật tiên bộ để tạo nhanh các giống cây trồng và vật nuôi sạch bệnh, năng suất cao, chất lượng phù hợp với điều kiện sinh thái và yêu cầu sản xuất. Ứng dụng công nghệ sinh học trong nông, lâm nghiệp, chế biến, bảo quản sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi trường và tạo ra các sản phẩm nông nghiệp sạch.

Nghiên cứu thử nghiệm, lựa chọn giống cây trồng phù hợp với các loại đất hoàn thổ sau khi khai thác bô xít.

Huy động mọi nguồn lực, lựa chọn, ứng dụng và chuyển giao KH&CN thiết thực phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng và phát triển thương hiệu, thị trường đối với những sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có giá trị kinh tế cao của địa phương.

Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, cơ khí: Nghiên cứu chuyển giao, đổi mới, ứng dụng công nghệ một số lĩnh vực trong ngành công nghiệp (năng lượng mới, khai thác, chế biến khoáng sản, thiết bị công nghệ trong canh tác nông nghiệp, chế biến nông, lâm sản, thực phẩm...) theo hướng hiện đại và thích hợp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh

tranh của sản phẩm, hàng hoá trên thị trường trong nước và quốc tế. Nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành khai thác bô xít - Alumin - Nhôm.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sau thu hoạch đối với một số sản phẩm nông lâm nghiệp có thể mạnh của địa phương như: cà phê, cao su, hồ tiêu, ngô, sắn, đậu đỗ, chế biến hoa quả; chế biến thức ăn gia súc; công nghệ chế biến gỗ, ván sợi nhân tạo.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến bô xít, volfram, antimoan, đá quý, vật liệu xây dựng...; các tiến bộ kỹ thuật, vật liệu mới trong thi công xây dựng công trình giao thông, thủy lợi...

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng: Áp dụng công nghệ tiên tiến trong khám, chữa bệnh, công tác y tế dự phòng và phát triển y tế cộng đồng; bảo tồn, phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn dược liệu của địa phương; nghiên cứu các giải pháp kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, nâng cao hiệu quả phòng, chống bệnh tật, cải thiện tình trạng dinh dưỡng; nghiên cứu dịch tễ, cơ cấu, mô hình bệnh tật ở địa phương.

Điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai: Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên thiên nhiên và KT-XH của địa phương; những biến động trong thời gian qua; dự báo xu hướng biến đổi trong

những năm tiếp theo, nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu đánh giá tác động một cách toàn diện của việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp, các công trình thủy điện, hồ chứa; tác động do biến đổi khí hậu đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và đời sống để có giải pháp khắc phục những hạn chế, thúc đẩy quá trình phát triển KT-XH của địa phương một cách bền vững.

Có thể khẳng định, 15 năm qua, ngành KH&CN Đắk Nông luôn gắn liền cùng với sự nghiệp phát triển KT-XH của tỉnh. Nhiệm vụ KH&CN đã, đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng tích cực đến sản xuất và đời sống của người dân trong tỉnh. Với một tỉnh có tiềm lực KH&CN còn khiêm tốn, nguồn lực dành cho KH&CN chưa đảm bảo như Luật quy định do còn phải đầu tư trên những lĩnh vực ưu tiên hơn, nhưng với nỗ lực và định hướng phát triển đúng, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hướng dẫn, giúp đỡ và đầu tư của Bộ KH&CN, sự quan tâm phối hợp có hiệu quả của các Viện, Trường, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học, ngành KH&CN Đắk Nông sẽ có những đóng góp tích cực vào sự phát triển KT-XH của tỉnh trong những năm tới./.

## THỰC TRẠNG ĐĂNG KÝ, BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Ở DOANH NGHIỆP

✎ Lê Thị Sương

Tài sản trí tuệ được hiểu theo nghĩa rộng là kết quả của hoạt động sáng tạo trí tuệ của con người. Trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển, tài sản trí tuệ (TSTT) đã trở thành đối tượng được tính đến của các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế. Dưới góc độ pháp lý, TSTT thường được hiểu hẹp hơn nhiều. Do TSTT có thể xác định được về bản chất, phạm vi, chức năng, công dụng và giá trị; có thể kiểm soát được và có khả năng sinh lợi khi khai thác sử dụng. Tuy nhiên, bản chất của TSTT là tài sản vô hình nên việc định hình để bảo hộ là điều không dễ. Theo luật pháp của nhà nước ta, chưa có khái niệm về TSTT, nhưng dựa vào bản chất pháp lý thì có thể hiểu TSTT là các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ như: các đối tượng của quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) và các đối tượng của quyền đối với giống cây trồng.

Trong nền kinh tế tri thức ngày nay, TSTT trở thành động lực của sự phát triển, là lợi thế và là một trong những yếu tố cạnh tranh quan trọng nhất của doanh nghiệp nói riêng và đất nước nói chung. Vai trò của hoạt động SHTT được thể hiện qua những yếu tố như:

Tỷ trọng giá trị của TSTT và tài sản vô hình nói chung trong tổng số giá trị tài sản của doanh

NGHIỆP và nền kinh tế ngày càng cao. Nếu 40 năm trước đây, phần lớn giá trị của công ty được quyết định bởi tài sản tiền tệ và tài sản hữu hình thì hiện nay các tài sản đó hầu như đã bị thay thế bởi TSTT và các loại tài sản vô hình khác. Theo đánh giá của Forbes Việt Nam: Năm 2018, giá trị thương hiệu “VINAMILK” là 2,28 tỷ USD, “VIETTEL” là 1,39 tỷ USD, “VNPT” là 416 triệu USD, “SABECO” là 393 triệu USD... Điều đó cho thấy TSTT cũng đã mang lại giá trị thương mại to lớn cho doanh nghiệp. Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp giá trị tài sản vô hình chiếm tới trên 70% trong tổng số giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Không những có giá trị thương mại, TSTT còn góp phần khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng tạo khoa học công nghệ, văn hóa, xã hội. Bởi vì, thông qua việc thừa nhận và bảo vệ của pháp luật đối với quyền sở hữu TSTT mà chủ sở hữu của TSTT đó có thời gian, môi trường pháp lý thuận lợi để tiến hành việc sử dụng, khai thác TSTT thuộc quyền sở hữu của mình, nhờ đó không những có thể bù đắp các chi phí đầu tư để tạo ra TSTT mà còn có thể thu lợi nhuận từ việc khai thác TSTT. Chẳng hạn như: PGS, TS Nguyễn Thị Trâm là tác giả của 10 giống lúa và là chủ sở hữu 10 bằng bảo hộ giống lúa đã chuyển nhượng bản quyền 6 giống lúa

cho các doanh nghiệp để sản xuất hạt giống, thu về 16,4 tỷ đồng và với số tiền đó đủ để tái đầu tư nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, hoạt động SHTT còn là công cụ hữu hiệu khắc phục các lệch lạc trong hoạt động thương mại, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh. TSTT rất dễ bị xâm phạm (dễ bị sao chép, bắt chước) do đó cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò một công cụ đặc lực ngăn ngừa và chặn đứng các tệ nạn hàng giả hàng trong nền kinh tế mới, sự giàu có dựa vào chiếm hữu tài sản vật chất đã dần được thay thế bằng việc nắm giữ các tri thức - nguồn của cải vô cùng to lớn trong xã hội. Việc bảo hộ tốt quyền sở hữu TSTT trở thành nhân tố quan trọng khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển nền kinh tế đất nước, thúc đẩy hoạt động đầu tư và chuyển giao công nghệ, qua đó sẽ góp phần cải thiện vị thế của quốc gia trong cuộc cạnh tranh với các nước khác nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư và khuyến khích các hoạt động chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Theo kết quả thống kê đơn, bằng bảo hộ quyền SHCN hàng năm của Cục Sở hữu trí tuệ, từ năm 2011 - 2018 số lượng đơn đăng ký quyền SHCN ở 05 tỉnh Tây Nguyên đều tăng lên qua các năm.

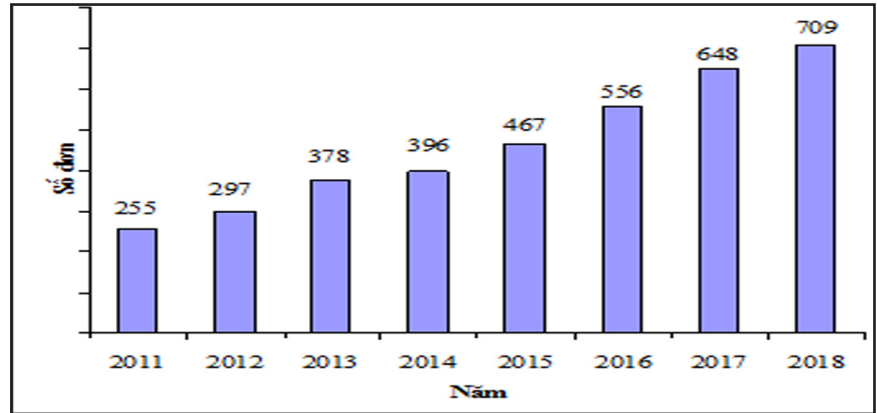
Mặc dù từ năm 2011 - 2018

số lượng đơn tăng dần theo từng năm nhưng so với cả nước thì số lượng đơn ở Tây Nguyên quá ít, chỉ chiếm khoảng 1,5%. Nếu so với thành phố Hồ Chí Minh trung bình kém khoảng 26 lần, còn so với Hà Nội thì trung bình kém khoảng 20 lần.

Dựa theo số liệu tổng hợp từ Tổng Cục thống kê, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ở 05 tỉnh Tây Nguyên năm 2016 là 12.969 doanh nghiệp. Nếu đem số lượng đơn đăng ký SHCN năm 2016 so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong cùng năm thì có thể thấy số doanh nghiệp quan tâm đến việc xác lập quyền TSTT của chính doanh nghiệp là không đáng kể.

Như vậy, qua các số liệu nêu trên cho chúng ta thấy được bức tranh tổng quát về các hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp nói riêng và TSTT nói chung ở Tây Nguyên đang dần khởi sắc. Tuy so với các khu vực khác trong nước hay so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ở Tây Nguyên thì con số này vẫn không đáng bao nhiêu. Nhưng điều đó cũng đủ chứng minh rằng doanh nghiệp ngày càng quan tâm hơn đến tầm quan trọng của việc xác lập quyền sở hữu TSTT.

Ở Đắk Nông, từ khi tỉnh được thành lập đến nay số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền SHCN không ngừng tăng. Theo số liệu thống kê từ Cục SHTT, trong những năm gần đây số lượng đơn năm sau nhiều hơn năm trước, cụ thể: số đơn nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ năm 2016 là



► Hình 1: Số đơn đăng ký quyền SHCN ở Tây Nguyên

31, năm 2017 là 39, năm 2018 là 41. Tổng số đơn đăng ký bảo hộ quyền SHCN từ khi thành lập tỉnh đến nay là 228 đơn, trong đó nhiều nhất là nhãn hiệu với 197 đơn, kế đến là kiểu dáng công nghiệp 18 đơn còn lại Sáng chế/GPHI là 13 đơn. Đắk Nông xác định nông nghiệp vẫn là trụ cột của nền kinh tế, do đó thời gian gần đây các cấp, các ngành đã triển khai các biện pháp nhằm gia tăng giá trị của các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của địa phương bằng cách tạo chuỗi giá trị từ khâu tạo ra sản phẩm chất lượng, uy tín đến khâu tiếp thị sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Và để xây dựng nên các sản phẩm nông sản chất lượng và mang lại giá trị kinh tế cao thì trước tiên phải xây dựng những nhãn hiệu nông sản nhằm tạo dấu ấn riêng với người tiêu dùng trong khu vực Tây Nguyên và cả nước. Một số sản phẩm nông sản đã được tiến hành nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể như: Khoai lang Tuy Đức, xoài Đắk Mil, tiêu Đắk Song - Đắk Nông, gà thả vườn Đắk R'lấp, rau Đắk R'lấp, lúa gạo Krông Nô. Ngoài ra, còn có một số sản phẩm được các tổ chức, cá nhân

nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường như: sản phẩm tiêu có các nhãn hiệu như: Đồng Thuận, Thu Thủy, Tiêu Đắk Nông 100% peppercorn; sản phẩm cà phê như: Đắk Tín, coffee Đắk Nông company, Hải Nhung, Hoàng Gia Phú, Hoàng Giang, Việt Nông, Cẩm Hương, Văn Ánh, Đắk Nguyên, Thông Hiệp, Dano, Ancafe, cà phê Đắk Đam, Enjoy coffee; sản phẩm bơ có nhãn hiệu: Hải Thắng, Lộc Oanh... Điều này chứng tỏ nhận thức về vai trò, ý nghĩa của hoạt động SHTT của các tổ chức, cá nhân ở Đắk Nông ngày càng nâng cao. Để có được những thành quả này, một phần không nhỏ là nhờ vào sự quan tâm của các cấp, các ngành ở địa phương đã chủ động tích cực trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật về SHTT cũng như hướng dẫn xác lập và bảo vệ quyền SHTT, khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động sáng kiến, đổi mới sáng tạo. Thêm vào đó chính là nạn hàng giả, hàng nhái đang ngày càng diễn ra phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của doanh nghiệp cũng như niềm tin của người tiêu dùng,

doanh nghiệp muốn giữ vững uy tín của mình đồng thời tạo dấu ấn riêng với người tiêu dùng để nâng cao năng lực cạnh tranh thì tự doanh nghiệp sẽ tự nhận thức được giá trị của TSTT.

Hoạt động SHCN ở Đắk Nông nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung tăng nhưng không đáng kể so với các tỉnh và khu vực khác của cả nước là do một số nguyên nhân như:

Phần lớn các doanh nghiệp ở đây là nhỏ và siêu nhỏ. Lĩnh vực tập trung hoạt động và đóng góp lớn vào phát triển kinh tế của vùng là chế biến nông sản, thủy điện, xây dựng, khai khoáng. Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở khâu sơ chế và gia công là chính, rất ít những doanh nghiệp chế biến sản phẩm cuối cùng có giá trị gia tăng cao. Một số doanh nghiệp vẫn còn tư tưởng làm ăn “chộp giật”, không có chiến lược dài hạn. Vì vậy, dù có thể mạnh là nằm trong vùng nguyên liệu của cà phê, tiêu, điều, cây ăn quả... nhưng các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản vẫn chưa tạo được nhiều thương hiệu nổi tiếng đặc trưng của vùng. Một phần nữa là do các doanh nghiệp xuất khẩu ở đây chủ yếu dưới dạng chế biến nguyên liệu bán cho một đầu mối nước ngoài, sau đó doanh nghiệp này mới bán lại cho những doanh nghiệp khác để tạo ra sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Hơn nữa trong thời gian gần đây giá của những loại sản phẩm nông sản khá bấp bênh và phụ thuộc vào giá thế giới nên hầu hết các doanh nghiệp thường hoạt động theo

mùa vụ. Thiết nghĩ đây cũng là một trong những vấn đề tạo nên khó khăn cho hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Bởi vì, hoạt động kinh doanh theo mùa vụ, buôn bán sản phẩm thô thì xây dựng và phát triển một nhãn hiệu đối với doanh nghiệp là không mang lại nhiều lợi ích.

Thứ hai là do các tỉnh ở Tây Nguyên còn thiếu chuyên gia, tư vấn có chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ; để tiến hành đăng ký xác lập quyền đối với một TSTT nào đó thì phải liên hệ và ủy quyền với các công ty đại diện ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh để làm việc với cơ quan cấp văn bằng bảo hộ. Mặc dù, trên các website của các cơ quan này đã hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, nhưng với năng lực của các doanh nghiệp trong vùng còn hạn chế nên chưa thể tự nghiên cứu các văn bản pháp luật về SHTT để tự tiến hành đăng ký.

Thứ ba là vấn đề kết nối giữa các doanh nghiệp với nhau, cũng như sự kết nối giữa nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp để tạo nên chuỗi giá trị có khả năng cạnh tranh trên thị trường vẫn còn yếu. Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, tính đến tháng 8/2018 có 63 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đã được bảo hộ, trong đó có 57 chỉ dẫn địa lý là các sản phẩm nông sản, thực phẩm, còn ở Tây Nguyên chỉ mới có 01 chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là “Buôn Ma Thuột” cho sản phẩm cà phê nhân. Trong khi đó, khu vực Tây Nguyên có rất nhiều loại nông sản đặc trưng và nổi tiếng. Nguyên nhân chính là

do trong quá trình xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý gặp nhiều khó khăn từ hoạt động xây dựng hồ sơ đăng ký đến xây dựng thể chế, huy động nguồn lực và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quản lý, quảng bá và nâng cao chất lượng sản phẩm của chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ.

Nhằm góp phần phát triển tài sản trí tuệ của Đắk Nông nói riêng và Tây Nguyên nói chung, đồng thời khai thác chúng hiệu quả đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp cũng như góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện một số giải pháp như: Xây dựng cơ chế chính sách để nâng cao năng lực trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo cũng như các hoạt động quản trị kinh doanh, marketing cho các doanh nghiệp. Tạo điều kiện để các chuyên gia, tư vấn có chuyên môn về lĩnh vực SHTT thành lập công ty đại diện thực hiện các quyền SHTT tại các tỉnh trong khu vực; Tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của TSTT đối với sự phát triển kinh tế của doanh nghiệp nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung; Đẩy mạnh việc đầu tư cho công tác nghiên cứu lý luận, thực tiễn về SHTT nhằm phục vụ việc hoạch định chiến lược, chính sách phát triển về SHTT; Tăng cường sự kết nối giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa các tỉnh trong khu vực, triển khai mô hình liên kết 4 nhà một cách hiệu quả.

Đắk Nông thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích

## TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

✎ Bài, ảnh: Mai Hoa

**T**rên thế giới, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm đã trở thành yếu tố quan trọng trong quy trình sản xuất và phân phối thực phẩm. EU đã đưa truy xuất nguồn gốc trở thành quy định bắt buộc đối với thành viên của EU từ ngày 01/01/2015. Mỹ cũng đã ban hành Đạo luật hiện đại hóa An toàn thực phẩm, yêu cầu tăng cường theo dõi, truy vết thực phẩm và lưu trữ hồ sơ đối với nhóm thực phẩm gây ảnh hưởng cao đến sức khỏe người sử dụng.

Trên thực tế, truy xuất nguồn gốc là một hoạt động còn khá mới tại Việt Nam. Các doanh nghiệp đang dần chuyển từ áp dụng theo phương pháp thủ công hoặc những công nghệ cũ sang áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến được các nước phát triển áp dụng như công nghệ đám mây, blockchain kết hợp với các thiết bị phần cứng và chip điều khiển. Việc ứng dụng các thành quả cách mạng 4.0 vào vấn đề truy xuất nguồn gốc nói riêng và mọi mặt của đời sống nói chung sẽ trở thành xu thế của thời đại. Theo các chuyên gia, việc ứng dụng công nghệ 4.0 sẽ giúp các doanh nghiệp nhanh chóng nâng cao giá trị hàng hóa; nâng cao niềm tin, uy tín sản phẩm đối với thị

trường trong và ngoài nước.

Thời gian qua, trong quá trình hội nhập, Việt Nam đã ban hành một số chính sách về truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Ngày 18/5/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 01/VBHN-BNNPTNT quy định việc truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không bảo đảm an toàn. Trong đó, Thông tư quy định: “Truy xuất nguồn gốc thực phẩm: là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh. Và quy định rõ: Nguyên tắc kiểm tra hệ thống truy xuất nguồn gốc; Nguyên tắc truy xuất nguồn gốc; Hình thức xử lý vi phạm quy định về an toàn thực phẩm... Nhằm phục vụ hội nhập quốc tế và nâng cao

hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa và công khai, minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tại Quyết định số 100/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 01 năm 2019; Trong đó, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án là: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Xây dựng, triển khai, ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thống nhất trong cả nước; Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động truy xuất nguồn gốc; Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; Thiết



► Đắk Nông có hơn 20 sản phẩm nông nghiệp đã dán tem truy xuất nguồn gốc

lập, xây dựng, vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Thông qua các chính sách hỗ trợ, thời gian qua các cơ quan chức năng ở tỉnh Đắk Nông cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để các tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức thay đổi thói quen sản xuất, hướng đến nền nông nghiệp hữu cơ sinh học gắn liền với việc liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Theo đó, bước đầu các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), nông dân trên địa bàn tỉnh đã quan tâm, thực hiện việc dán nhãn truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp.

Theo thống kê của Liên minh HTX tỉnh Đắk Nông: Đến nay, toàn tỉnh có gần 20 sản phẩm nông nghiệp do các HTX, tổ hợp tác sản xuất được dán tem truy xuất nguồn gốc. Cụ thể, cà phê, tiêu sinh thái, chuỗi hạt, rượu cần, mắcca, dầu gấc, chè đỉnh lừng, thảo mộc,... Cụ thể:

Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông, xã Đắk R'Moan, thị xã Gia Nghĩa đã thực hiện qui trình sản xuất theo hướng hữu cơ sinh học. Tại các vườn tiêu của thành viên HTX bà con nông dân thay đổi qui trình sản xuất, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hạn chế dùng phân hóa học. Trong đó, ưu tiên tập trung chăm sóc theo hướng hữu

cơ tránh ô nhiễm môi trường, đảm bảo thời gian cách ly khi dùng phân, thuốc theo hướng dẫn. Sản phẩm trước khi xuất bán được kiểm tra và công nhận các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm để hướng đến các thị trường Châu Âu.

Hợp tác xã Công Bằng Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil được Hiệp hội Thương mại công bằng Fairtrade thế giới cấp giấy chứng nhận thành viên và trở thành 1 trong số 5 tổ sản xuất cà phê thương mại công bằng ở Việt Nam. Ngoài việc đầu tư dây chuyền với các thiết bị hiện đại phục vụ chế biến cà phê HTX đã tổ chức sản xuất, thu mua cà phê có chất lượng phục vụ thị trường xuất khẩu tăng thu nhập cho nông dân. Công ty TNHHMTV cà phê BaZan, Đắk Nông có 6 dòng sản phẩm cà phê bột khác nhau. Đặc trưng của sản phẩm này được kiểm soát chặt chẽ từ qui trình sản xuất, chế biến để đáp ứng tiêu chí cà phê sạch phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. So với cách tiếp cận thị trường truyền thống hiện tại việc đưa sản phẩm đến thị trường theo nhu cầu người tiêu dùng đáp ứng các tiêu chí về chất lượng, mẫu mã,...

Cùng với các sản phẩm từ cây công nghiệp lâu năm, hiện tại các địa phương cũng xây dựng các sản phẩm đặc thù, trong đó chú trọng đến việc dán nhãn truy xuất nguồn gốc. Tại huyện Krông Nô trong

năm 2018 ngành nông nghiệp địa phương cũng tập trung dán nhãn truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm Bơ. Hiện tại, việc này cũng đã tiến hành thuận lợi đem lại hiệu quả kinh tế cho nông dân. Trong năm 2019 và những năm tiếp theo ngành nông nghiệp sẽ tiếp tục triển khai để nâng cao năng suất và chất lượng các sản phẩm nông nghiệp.

Khoai lang cũng là một trong những sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng của Đắk Nông. Trung bình mỗi năm toàn tỉnh phát triển hơn 5 nghìn ha, chủ yếu tập trung tại các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk G'long, Krông Nô. Riêng đối với khoai lang Tuy Đức Đắk Nông đã xây dựng nhãn hiệu tập thể. Những năm gần đây, từ nghề trồng khoai lang đã giúp cho rất nhiều nông dân có thu nhập ổn định. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bà con nông dân cũng nâng cao ý thức đảm bảo năng suất, chất lượng.

Nhìn chung, từ khi thực hiện việc dán nhãn truy xuất nguồn gốc sản phẩm đã giúp cho người tiêu dùng và các bên liên quan có thể truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác, qua đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào sản phẩm có gắn nhãn truy xuất nguồn gốc. Đối với các cơ sở sản xuất cũng nâng cao giá trị sản phẩm việc tiêu thụ dễ dàng, thuận lợi hơn./.

Phát triển hồ tiêu bền vững -

**GIỮ VỮNG THƯƠNG HIỆU HỒ TIÊU ĐẮK NÔNG**

✎ Nguyễn Mai

**Đ**ắk Nông là một tỉnh thuần nông, với hơn 80% dân số sống dựa vào sản xuất nông nghiệp, có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, ... Trong đó, hồ tiêu là một trong những cây trồng chủ lực, có hiệu quả kinh tế vượt trội so với các loại cây trồng khác, được người dân trên địa bàn sản xuất lâu năm và có kinh nghiệm trong canh tác.

**Thực trạng về sản xuất hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Theo thống kê, hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 36.300ha hồ tiêu, sản lượng ước tính 45.721 tấn. Toàn tỉnh có 2 đơn vị sản xuất hồ tiêu theo mô hình VietGAP, GlobalGAP và 1 doanh nghiệp sản xuất hồ tiêu theo tiêu chuẩn GlobalGAP với tổng diện tích 33 ha. Những năm qua, hồ tiêu là cây trồng đem lại nguồn thu nhập khá lớn cho nông dân, giá tiêu trên thị trường khá ổn định và ở mức cao đã kích thích nông dân và các nhà đầu tư phát triển cả về diện tích và đầu tư thâm canh chiều sâu. Nhiều vườn điều, cao su, cà phê... đã bị các hộ nông dân đốn hạ để nhường chỗ cho cây tiêu. Tuy vậy, việc phát triển hồ tiêu của người dân gần đây gặp nhiều khó khăn, vấn đề nghiên cứu và sản xuất giống hồ tiêu tại Đắk Nông đang bị bỏ ngõ, chủ yếu

do người dân tự phát, hệ thống tiêu thụ hồ tiêu chưa phát triển, chưa có sự liên kết, vẫn còn nhỏ lẻ và manh mún. Đặc biệt, trong năm 2018 (tính đến ngày 13/11) toàn tỉnh có 2698,9 ha hồ tiêu (chiếm 7,7% diện tích) bị nhiễm bệnh chết nhanh, chết chậm, cháy đen lá. Nguyên nhân là do thời tiết mưa nhiều, tập trung và kéo dài làm cho đất bị úng, đặc biệt là các vùng đất trũng thấp, tạo điều kiện cho nấm Phytophthora và tuyến trùng nội ký sinh Meloidogyne gây thối rễ phát triển và lây lan nhanh. Ngoài nguyên nhân khách quan trên, thì nguyên nhân chủ quan là do người dân không áp dụng đúng những yêu cầu về kỹ thuật trồng, chăm sóc theo hướng bền vững, sử dụng lại trụ cũ hoặc trồng trên đất đã nhiễm bệnh, sử dụng nguồn giống không đảm bảo chất lượng, giống bị nhiễm bệnh; riêng năm 2017-2018, giá hồ tiêu giảm mạnh chỉ bằng 1/3

so với cách đây hai năm và có thời điểm đã giảm gần 1 nửa so với năm ngoái nên nông dân hạn chế đầu tư, ít quan tâm đến công tác phòng bệnh, vì vậy khi dịch bệnh xảy ra không kịp xử lý và lây lan nhanh, gây nhiều thiệt hại.

Bùng nổ về diện tích, gia tăng dịch bệnh, hạn chế trong kiểm soát chất lượng, tổ chức liên kết sản xuất và phát triển chuỗi giá trị, tác động của biến đổi khí hậu, ... với những khó khăn này, có thể dễ dàng nhận thấy ngành hồ tiêu còn phải chịu nhiều tác động hơn nữa trong thời gian tới. Vậy, các ngành, các cấp, doanh nghiệp và người dân trồng tiêu phải làm như thế nào để đứng vững và vượt qua khủng hoảng này.

**Giải pháp canh tác phát triển hồ tiêu thời gian tới**

Cần phát triển hồ tiêu theo hướng bền vững – đó là kết luận của đồng chí Trương Thanh Tùng – Phó chủ tịch UBND tỉnh



► Vườn tiêu được sản xuất theo phương pháp hữu cơ của gia đình anh Phạm Văn Thạch - xã Đắk R'moan, Tx. Gia Nghĩa sinh trưởng tốt, năng suất cao.

Ảnh: baoanh.baodaknong.org.vn

trong hội thảo “Giải pháp canh tác phát triển hồ tiêu bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông” do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, đồng thời cũng là định hướng mà ngành nông nghiệp Đắk Nông đang hướng đến.

Để đảm bảo cho ngành hàng hồ tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập chúng ta cần có sự rà soát, đánh giá, định hướng phát triển và xây dựng các giải pháp phù hợp để thúc đẩy phát triển hồ tiêu theo hướng bền vững, nâng cao về giá trị và hiệu quả kinh tế.

Thời gian vừa qua, ngành nông nghiệp tỉnh đã tích cực hướng dẫn, hỗ trợ nông dân sản xuất tiêu theo hướng thâm canh, sạch, bền vững và hướng tới các tiêu chuẩn chứng nhận về nông nghiệp sạch như VietGAP, GlobalGAP, xây dựng chỉ dẫn địa lý để truy xuất nguồn gốc. Đây là hướng đi tất yếu, trong bối cảnh cây tiêu tăng trưởng nóng, diện tích tiêu của tỉnh Đắk Nông năm 2018 đã vượt lên trên 36.000 ha, vượt xa quy hoạch của tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Trong khi người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi cao về các sản phẩm nông nghiệp sạch, đạt chứng nhận chuẩn và có thể truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, UBND tỉnh và ngành nông nghiệp cũng đang xây dựng các cơ chế chính sách như: khuyến khích doanh nghiệp liên kết với nông dân từ sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến và xuất khẩu; phối hợp Ngân hàng Nhà nước

chi nhánh tỉnh chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh có biện pháp khoan nợ, hỗ trợ kịp thời người nông dân khi giá cả xuống thấp để người dân yên tâm sản xuất.

Ngoài các chính sách, cơ chế của các ngành chức năng, bản thân doanh nghiệp và người nông dân cũng cần “vận động”. Sự liên kết giữa “4 nhà” gồm nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà nông cần thắt chặt hơn, từ đó có những chính sách phát triển vùng sản phẩm, thị trường trong nước và thế giới. Cần duy trì và phát triển thương hiệu để nâng cao giá trị hồ tiêu; cần quản lý và phát triển cấp giấy chứng nhận hồ tiêu cho các nông dân sản xuất đạt tiêu chuẩn, cũng như công tác quản lý các loại giống tiêu. Mặt khác, trước tình trạng giá tiêu giảm sâu và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh trưởng và phát triển của cây tiêu dẫn đến mất mùa thì người dân cần thay đổi nhận thức theo hướng tích cực, thay đổi tập quán canh tác. Ngoài việc sản xuất, người dân quan tâm tìm hiểu thị trường trước khi quyết định đầu tư, ồ ạt trồng “chạy theo giá” thì sẽ gánh hậu quả không thể lường trước.

Để tăng giá trị hồ tiêu Đắk Nông, người trồng tiêu mong muốn sản phẩm thâm nhập được các thị trường khó tính, như Mỹ, Canada, Anh, Đức, Hà Lan... tuy nhiên các thị trường này đều đòi hỏi khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm, nhất là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và truy xuất nguồn gốc. Do đó,

phải thay đổi phương thức canh tác, hướng đến canh tác hữu cơ và doanh nghiệp thu mua sản phẩm của nông dân tuân thủ quy trình nghiêm ngặt với giá cao hơn so với thị trường, tạo nên phong trào sản xuất tiêu chất lượng trên địa bàn tỉnh.

Cùng với đó, cần xây dựng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm từ hồ tiêu, có chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm từ hồ tiêu như thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm... đi kèm chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển về lĩnh vực này để gia tăng giá trị hồ tiêu Việt Nam.

Đặc biệt các cấp chính quyền cần tập trung công tác quản lý nhà nước về khâu giống tiêu như công nhận giống và nhân giống, vườn giống tiêu để nhân giống chất lượng tốt cho sản xuất, tổng kết quy trình canh tác thích hợp cho từng tiểu vùng sinh thái, tăng cường công tác quản lý chất lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế tối đa sâu bệnh hại trên tiêu.

Có thể nói ngành hồ tiêu là một trong những ngành nông sản có lợi thế cạnh tranh cao và nhiều tiềm năng tăng trưởng bởi hồ tiêu luôn có thị trường tốt. Tuy nhiên, hồ tiêu lại là loài cây gia vị rất “cay”, nếu chúng ta làm không tốt thì chúng sẽ trở nên rất “đắng”. Vì vậy, nếu giải quyết được vấn đề sản xuất theo chuỗi, xây dựng vùng sản xuất theo quy hoạch thì ngành hồ tiêu sẽ phát triển bền vững, mang lại giá trị cao hơn và ổn định hơn cho người trồng tiêu.



# Nông thôn mới tỉnh Đắk Nông - 3 năm một chặng đường

✉ Nguyễn Mai

**K**ể từ năm 2016, Đắk Nông chính thức triển khai bộ tiêu chí về đánh giá nông thôn mới. Mục tiêu cụ thể đề ra theo Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy là, đến năm 2020 phấn đấu 18 xã, 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) và 43 xã đạt 10 tiêu chí trở lên, đời sống vật chất, tinh thần và thu nhập của người dân được nâng cao theo hướng bền vững.

Hiện nay, tại Đắk Nông, khu vực nông nghiệp là 42,67%, khu vực phi nông nghiệp là 57,33%. Dân số khoảng trên 636.000 người, trong đó dân số vùng nông thôn chiếm trên 70%. Đến nay, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, với diện tích 306,7 ngàn ha, chiếm 47% tổng diện tích tự nhiên. Thu nhập bình quân đầu người trung bình của tỉnh đạt 40,27 triệu đồng năm 2018.

Kết quả đạt được sau gần 3 năm thực hiện Bộ tiêu chí về NTM đặc thù vùng nông thôn đã có nhiều khởi sắc, góp phần tích cực thực hiện chính sách an sinh xã hội; hỗ trợ và khuyến khích chuyển dịch cơ cấu theo hướng nông nghiệp đô thị; chính sách phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất

gắn với tiêu thụ nông sản, các chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực... nhìn chung đã thay đổi bộ mặt nông thôn tỉnh Đắk Nông. Nông nghiệp của tỉnh đang dần phát triển theo hướng bền vững, chú trọng về khoa học công nghệ và khai thác các nguồn lực của tỉnh; công tác dạy nghề cho lao động nông thôn đã đạt được một số kết quả bước đầu, theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn dần được cải thiện,...

Nhằm tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng NTM trong thời gian qua Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành một số Nghị quyết, Quyết định về các

cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh cũng như thực hiện tốt các nội dung của Chương trình xây dựng NTM, cụ thể như: Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 05/5/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/7/2016 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ cấu nguồn vốn thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 về ban hành Quy định thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020; Chính



► Xây dựng nông thôn mới ở Đắk Mil: Coi trọng thực chất, không chạy theo thành tích. Ảnh: daknong.org.vn

sách khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương đạt chuẩn NTM...

So với mục tiêu đã đề ra của giai đoạn 2016 - 2020, đến nay, Đắk Nông có 16/18 xã đạt tiêu chuẩn NTM (chiếm 88,9% kế hoạch), 51/61 xã đạt từ 10 tiêu chí trở lên (chiếm 83,69%).

Nhìn chung, việc ban hành kịp thời các cơ chế chính sách đã góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM một cách bền vững.

Công tác xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng trong 03 năm qua tiếp tục được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm triển khai thực hiện; các địa phương đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân hiểu và tự chỉnh trang, xây dựng nhà cửa, khuôn viên sạch đẹp, do đó số lượng nhà tạm, dột nát ngày càng được thay thế bằng nhà kiên cố, khang trang đạt chuẩn theo quy định. Với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự hưởng ứng tích cực của người dân nông thôn thì các công trình hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, nước sạch... ngày càng được đầu tư xây dựng kiên cố, sạch đẹp từng bước đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân nông thôn; đồng thời góp phần từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí NTM.

Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân là một trong những nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chương trình. Vì vậy, trong thời gian qua các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, xây dựng đề án, dự án phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng các mô hình phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương. Đặc biệt, trong năm 2017 đã triển khai lập 02 đề án quy hoạch lớn của tỉnh là: Quy hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng gắn liền với biến đổi khí hậu và quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trong năm 2018 tiếp tục chỉ đạo xây dựng và lập các đề án để nâng giá trị sản xuất nông nghiệp như: Đề án sản xuất nông nghiệp sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 - 2020; đề án phát triển thủy sản Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030...

Trong thời gian qua, công tác đào tạo nghề đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. Việc triển khai thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề đã từng bước nâng cao được tay nghề, kiến thức, kinh nghiệm cho người dân nông thôn trong việc áp dụng vào công tác phát triển sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân

nông thôn.

Công tác phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và các trang trại trong thời gian qua tiếp tục được thực hiện hiệu quả cả về chất lượng và số lượng. Đến nay, trên toàn tỉnh có 118 hợp tác xã đang hoạt động (tăng 48 Hợp tác xã so với cuối năm 2015); có 262 tổ hợp tác (tăng 32 tổ hợp tác so với cuối năm 2015) và toàn tỉnh có 1.215 trang trại, tăng 339 trang trại so với năm 2015 (có 1.130 trang trại trồng trọt, 77 trang trại chăn nuôi, 6 trang trại thủy sản, 2 trang trại tổng hợp).

Đặc biệt, trong thời gian qua công tác phát triển sản xuất đã được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm triển khai thực hiện. Đã xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình phát triển sản xuất đem lại thu nhập cao; các hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng được thành lập mới và hoạt động hiệu quả, từng bước giải quyết công ăn, việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; đồng thời góp phần hỗ trợ địa phương đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí xã NTM. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã NTM đến 30/6/2018 thì đã có 40/61 xã đạt tiêu chí về thu nhập, đạt 65,6% và tăng 5 xã so với cuối năm 2015; 61/61 xã đạt tiêu chí về lao động có việc làm, đạt 100% và không tăng so với năm 2015; 43/61 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất, đạt 70,5% và tăng 5 xã so với cuối năm 2015.

Các công tác giáo dục, y tế, an sinh xã hội ngày càng được nâng cao, xã hội ngày càng chuyên biến. Tỷ lệ trẻ đến trường và người tham gia bảo hiểm ngày càng cao. Mạng lưới y tế, giáo dục được củng cố và hoàn thiện.

Dự kiến trong năm 2019, tỉnh Đắk Nông đặt mục tiêu có thêm 5 - 6 xã đạt chuẩn NTM, tiêu chí bình quân toàn tỉnh mỗi xã đạt 14,8 tiêu chí/xã, 5 xã đã đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí trong giai đoạn 2011 - 2016 được công nhận đạt chuẩn theo bộ tiêu chí mới, mỗi huyện/thị xã có ít nhất 01 khu dân cư được công nhận đạt chuẩn khu

dân cư nông thôn kiểu mẫu và 01 vườn rẫy được công nhận vườn mẫu - rẫy mẫu trong xây dựng NTM.

Để xây dựng NTM thành công, cần phân tích nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, người đứng đầu để thực hiện hiệu quả; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị. Bên cạnh đó, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, khơi dậy sự sáng tạo, tích cực, chủ động của nông dân để triển khai thực hiện tốt các quan điểm, mục

tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để xây dựng, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, hiện đại, bền vững, có năng suất chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao gắn với đặc thù nông nghiệp của tỉnh ta, định hướng thành vùng kinh tế trọng điểm các tỉnh Tây Nguyên.

Xây dựng NTM là một tiến trình, đòi hỏi tính liên tục với sự nâng cao không ngừng các tiêu chí và phải có thời gian. Vì vậy, trong thời gian tới, Đắk Nông cần nỗ lực cao độ để việc hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đạt được với mục tiêu ban đầu đề ra.

## NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ DÔNG - SÉT VÀ CÓ NHỮNG CÁCH PHÒNG TRÁNH HIỆU QUẢ

✍️ Võ Duy Phương

Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên

**Ở** Tây Nguyên, thiên tai đang ngày một khốc liệt và có chiều hướng gia tăng. Khô hạn trong mùa khô và lũ lụt trong mùa mưa hằng năm đã gây thiệt hại trực tiếp hàng trăm tỷ đồng, hàng chục người thiệt mạng, để lại những hậu quả xấu về môi trường. Ngoài ra, các biến động khác như sạt lở đất, lốc tố, mưa đá, dông sét, nắng nóng... đã gây ra không ít khó khăn, trở ngại cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của

nhân dân Tây Nguyên.

Những năm qua, Việt Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng có nhiều người bị sét đánh khi đang di chuyển trên đường, hoặc sản xuất trên đồng ruộng, thậm chí ngay ở trong nhà. Mặc dù chưa có số liệu thống kê cụ thể nhưng có thể khẳng định: con số này là không nhỏ. Vậy chúng ta phải làm những gì để phòng tránh dông sét?

Theo các nhà khoa học,

thường thì cơn dông kéo đến rất nhanh trong vòng 15 phút và di chuyển với vận tốc 40km một giờ. Khi đang ở nơi không an toàn thì cần phải để ý đến các dấu hiệu của dông như mây đen, không khí lạnh, gió. Có thể ước tính được khoảng cách từ nơi ta đang đứng tới nơi sét xảy ra bằng cách ước lượng khoảng thời gian từ lúc tia chớp lóe lên và lúc nghe thấy tiếng sấm. Chia số giây cho 3 sẽ được khoảng cách đến tia sét. Ví dụ đếm được 3 giây

thì sét cách vị trí đứng là  $3/3 = 1\text{km}$ . Sét có thể đánh cách xa nơi có mưa tới 15 - 20km.

Chúng ta cần làm tốt một số việc sau: Khi thấy bầu trời xuất hiện mây dông, tốt nhất chúng ta rút hết phích cắm các thiết bị điện - điện tử ra khỏi ổ cắm điện, ngắt ăng-ten ra khỏi ti vi. Nhà ở nên thiết kế, lắp đặt cột thu lôi. Trong trường hợp đang đi ngoài đường hoặc đang làm trên đồng trống, không thể tìm được chỗ trú an toàn thì tuyệt đối không được trú ẩn dưới các gốc cây cao, các chòi canh. Chúng ta nên tránh xa các vật dẫn điện như kim loại, máy móc, nông cụ... Giữa những cánh đồng trống, nếu không vào nơi trú ẩn an toàn được thì chúng ta nên chọn nơi nào có mặt ruộng thấp không trũng nước, từng người ngồi riêng lẻ trùm áo mưa hoặc nilon và càng hạ thấp độ nhô cao càng tốt. Những ngôi nhà xây dựng vững chắc, đóng kín các cửa là nơi phòng tránh dông lốc, sấm sét an toàn nhất. Khi có dông sét, chúng ta cần tránh ngồi gần cửa, dây và ổ cắm điện, chỗ có nước... đặc biệt không được nói chuyện điện thoại.

Nếu ở ngoài trời, tuyệt đối không dùng cây cối làm chỗ trú mưa, tránh các khu vực cao hơn xung quanh, tránh xa các vật dụng kim loại như xe đạp, xe máy, hàng rào sắt... Nên tìm chỗ khô ráo, nếu xung quanh có cây cao hơn

thì nên tìm chỗ thấp, tìm vị trí cây thấp. Người ở vị trí càng thấp càng tốt, tay ôm cổ, phần tiếp xúc của người với mặt đất là ít nhất; nhón chân, không được nằm xuống đất. Đặc biệt, không đứng thành nhóm người gần nhau.

Nếu như bạn cảm thấy tóc bị dựng lên (như cảm giác điện khi sờ tay trước mặt ti-vi) thì điều đó nghĩa là bạn có thể bị sét đánh bất cứ lúc nào, lập tức cúi ngồi xuống và lấy tay che tai, không nằm xuống đất hay đặt tay lên đất.

Dông sét thường xuất hiện vào buổi chiều và tối trong thời kỳ chuyển tiếp giao mùa từ mùa khô sang mùa mưa và thời kỳ đầu mùa mưa, nếu quan sát bầu trời thấy những đám mây xám đen không lồ, chân mây hạ thấp tiến lại gần thì mọi người cần lưu ý đề phòng vì nó có thể gây ra hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông lốc, sấm sét, vòi rồng... Dông sét được xếp vào thời tiết nguy hiểm vì hàng năm có nước sét đánh chết hàng nghìn người, gây ra hàng trăm vụ cháy rừng, cháy nhà, làm hư hỏng nhiều thiết bị máy móc, nhất là các thiết bị điện tử. Dông sét thường xảy ra trong thời tiết giao mùa ở Tây Nguyên, dông xảy ra thường xuyên hơn và được gọi là dông nhiệt. Đặc biệt trên các vùng núi hay sông hồ trong những tháng nóng ẩm, dông có thể

xuất hiện nhiều và bất thường, lại hay kèm theo gió mạnh nên rất nguy hiểm cho tính mạng con người.

Theo các chuyên gia khí tượng thủy văn, hạn trong mùa khô ở Tây Nguyên, là thiên tai có tính chu kỳ và do tác động của hiện tượng thời tiết khác... Những cơn dông, lốc kèm theo sét đánh, cũng là những kiểu thời tiết đặc thù của một số tiểu vùng trong khu vực, thường xuất hiện vào những tháng cuối mùa khô, đầu mùa mưa.

Ngoài ra địa hình nhiều núi cao, thời tiết Tây Nguyên còn khắc nghiệt hơn nữa là do mất nhiều rừng. Hàng nghìn quả đồi bị cạo trọc, hàng trăm nghìn héc ta rừng bị phá trắng, đã khiến cho núi đồi, nương rẫy bị nung nóng nhanh hơn, bốc hơi mạnh hơn, gây ra hạn hán, dông, lốc, sét và các kiểu thời tiết cực đoan. Sang mùa mưa, việc mất rừng lại khiến lũ xảy ra nhiều hơn, tốc độ lũ nhanh hơn, gây áp lực lớn cho các công trình thủy lợi, thủy điện và thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay, Tây Nguyên đang chuẩn bị bước sang mùa mưa lũ, nên việc phòng tránh dông sét là hết sức cần thiết. Chính vì vậy, chúng ta cần có những kiến thức nhất định về dông sét, để có biện pháp phòng tránh và cứu chữa kịp thời nếu không may bị sét đánh./

## BẢO TÀNG TỈNH ĐẮK NÔNG

### *Nơi lưu giữ di sản văn hóa của địa phương*

✎ Bài, ảnh: Đoàn Nhân

**B**ảo tàng Đắk Nông được thành lập ngày 23/02/2004 là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với chức năng nghiên cứu và giáo dục khoa học thông qua các hoạt động: nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày tuyên truyền và phát huy các giá trị văn hóa vật thể (hiện vật bảo tàng) và phi vật thể (lễ hội, phong tục tập quán, các bí quyết nghề truyền thống...); phát hiện và bảo vệ các di sản văn hóa, các địa điểm phát hiện có nền văn hóa cổ dưới lòng đất (di chỉ khảo cổ); được phép khai quật và khai thác tiềm năng các di sản văn hóa nhằm phục vụ cho lợi ích văn hóa của tỉnh.

#### **1. Công tác sưu tầm Di sản Văn hóa**

Ngay sau khi thành lập, Bảo tàng rất chú trọng đến công tác sưu tầm hiện vật, coi hiện vật là nguồn sử liệu quan trọng cung cấp tri thức cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người. Công tác sưu tầm hiện vật là một trong những hoạt động quan trọng của bảo tàng, tạo cơ sở dữ liệu, hiện vật gốc, đơn vị cấu thành những tư liệu cho việc trưng bày, giới thiệu đến khách

tham quan. Chính vì thế, Bảo tàng Đắk Nông luôn đặt công tác sưu tầm hiện vật lên hàng đầu, để sưu tầm hiện vật, hình ảnh và tư liệu về lịch sử - văn hóa con người của tỉnh Đắk Nông, trong đó tập trung sưu tầm hiện vật theo các chủ đề về: Văn hóa dân tộc thiểu số (M'ông, Ê đê, Mạ, Tày, Nùng,...); hiện vật khảo cổ; lịch sử cách mạng; tài liệu, ảnh,... nhân dân Đắk Nông trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (từ năm 1975 đến nay).

Bảo tàng Đắk Nông tiến hành sưu tầm trên nhiều phương diện khác nhau, nhằm tạo cơ sở dữ liệu phản ánh đa dạng về lịch sử, kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh Đắk Nông. Một trong những hoạt động sưu tầm hiện vật mang lại

những tư liệu, hiện vật giá trị của Bảo tàng phải kể đến công tác khai quật khảo cổ học. Tính đến nay, Bảo tàng đã tiến hành hơn chục đợt khai quật khảo cổ trên địa bàn tỉnh, thu được một khối lượng lớn hiện vật đa dạng về loại hình, phong phú về chủng loại tại các di tích, di chỉ nổi tiếng như: Thôn 17 Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp; thôn 8 Đắk Win, huyện Cư Jút,... với số lượng hiện vật khảo cổ khoảng hơn 13.200 đơn vị hiện vật (gồm các mảnh gốm, phác vật, mảnh tước, công cụ lao động của người tiền sử trong giai đoạn thời kỳ hậu đá cũ, đồ đá mới,...).

Bên cạnh đó, Bảo tàng đã sưu tầm một số lượng lớn hiện vật quý hiếm của các dân tộc bản địa tỉnh Đắk Nông, phản ánh rõ nét những đặc trưng



► Di sản văn hóa được giới thiệu đến du khách

kinh tế - văn hóa - xã hội của các cư dân bản địa nơi đây. Song song với việc sưu tầm hiện vật dân tộc thì nhóm hiện vật lịch sử cách mạng trong thời kỳ kháng chiến luôn được quan tâm chú trọng. Hiện nay, Bảo tàng đã sưu tầm được trên 1.200 hiện vật gốc, bao gồm các kỷ vật, đồ lưu niệm, hiện vật của các đơn vị, tập thể, cá nhân điển hình của quân và dân Đắk Nông có thành tích xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Ngoài ra, đơn vị còn thường xuyên sưu tầm những hiện vật về tài nguyên khoáng sản như các mẫu gỗ, đá quý, quặng,... phản ánh điều kiện tự nhiên, địa lý, địa hình và quá trình phát triển trầm tích hình thành nên vùng đất con người Đắk Nông.

Công tác sưu tầm hiện vật được triển khai thường xuyên, liên tục nên đến nay, Bảo tàng Đắk Nông đã sở hữu trên 18.000 đơn vị hiện vật trong đó, có 521 hiện vật văn hóa dân tộc; 2.110 hiện vật lịch sử cách mạng; 13.200 hiện vật khảo cổ học; 2.256 tài liệu, hình ảnh, sách báo và hiện vật khoáng sản tự nhiên có giá trị, phong phú về loại hình, đa dạng về chất liệu và nội dung, phản ánh sinh động lịch sử - văn hóa của vùng đất Nam Tây Nguyên.

### **2. Công tác kiểm kê và bảo quản, lưu giữ Di sản Văn hóa**



► Học sinh tham quan và tìm hiểu tại Di tích Nhà ngục Đắk Mil

### **tại bảo tàng tỉnh.**

Để thực hiện tốt chức năng nghiên cứu khoa học, tra cứu thông tin công tác kiểm kê – bảo quản hiện vật tại Bảo tàng đóng một vai trò hết sức quan trọng, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đơn vị. Thông qua công tác kiểm kê còn tạo điều kiện thuận lợi để Bảo tàng quản lý được số lượng hiện vật, phục vụ cho việc sử dụng và khai thác nội dung hiện vật đang lưu giữ tại Bảo tàng. Vì vậy, có thể nói chỉ qua công tác kiểm kê tài liệu, hình ảnh, hiện vật,... mới chính thức trở thành hiện vật của bảo tàng. Để đảm bảo cho công tác nghiên cứu, giới thiệu, quảng bá Di sản Văn hóa của địa phương thì các hiện vật của bảo tàng luôn được lưu giữ tại kho được bảo dưỡng một cách tốt nhất, không để hiện vật hư hỏng hay thất lạc.

Để hình thành nên những bộ sưu tập có giá trị về văn hóa, lịch sử và tính thẩm mỹ cao

thì đơn vị đã xây dựng được một số bộ sưu tập hiện có giá trị lịch sử văn hóa dân tộc bản địa như: Sưu tập Nôi đồng của người đồng bào M'Nông, Ê Đê, Mạ; Sưu tập Chóe của người M'Nông, Ê Đê, Mạ; Sưu tập Đàn đá Đắk Sơn; Sưu tập Trống của người M'Nông, Ê Đê, Mạ; Sưu tập thuyền độc mộc của người M'Nông, Ê đê, Mạ; Sưu tập K'pan của người đồng bào Ê Đê. Từ đó, bảo tàng Đắk Nông thực hiện được chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục phổ biến tri thức khoa học, lịch sử đến với công chúng một cách hiệu quả nhất, góp phần phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của quần chúng nhân dân.

### **3. Công tác bảo tồn Di sản văn hóa, các di tích lịch sử**

Hiện nay, bảo tàng tỉnh đã xây dựng được 11 di tích trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được Nhà nước xếp hạng; bao gồm 01 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, 07 di tích cấp quốc gia và 03 di tích xếp

hạng cấp tỉnh. Các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có thể chia theo các nhóm sau:

Các di tích thuộc thời kỳ chống thực dân Pháp cụ thể như: Ngục Đắk Mil, Một số địa điểm về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào M'ông do N'Trang Long lãnh đạo; Bia Henri Maitre (di tích cấp tỉnh); Địa điểm lưu niệm N'Trang Gưh;

Các di tích thuộc thời kỳ chống Mỹ cứu nước gồm: Đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh (cấp quốc gia đặc biệt), Căn cứ kháng chiến B4 – Liên tỉnh IV, Địa điểm bắt liên lạc khai thông đường Hồ Chí Minh đoạn Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ, Địa điểm chiến thắng Đồi 722 – Đắk Sắk;

Danh lam thắng cảnh có: Thác Đray Sáp, Thác Đray Sáp Thượng (thác Gia Long).

Các di tích lịch sử của Đắk Nông phần lớn là những dấu tích còn sót lại sau chiến tranh, dưới sự tác động của môi trường và con người những dấu tích bằng vật liệu như: gỗ, mây, tre, nứa, tranh... đã bị hư hỏng hoàn toàn chỉ còn lại những dấu tích hầm, hào, công sự, nền móng trên mặt đất. Hơn nữa, di tích nằm trong đất nông nghiệp của người dân qua quá trình sản xuất nông nghiệp không tránh khỏi bị xâm canh làm phá vỡ các yếu tố nguyên gốc và cảnh quan thiên nhiên

khu vực di tích.

#### **4. Nguy cơ hoặc nguyên nhân mai một di sản văn hóa của địa phương**

Bên cạnh những thành quả trong hoạt động sưu tầm hiện vật, xây dựng hồ sơ và phát huy giá trị di tích của Bảo tàng Đắk Nông, hiện nay cũng gặp không ít khó khăn. Một trong số đó là nhận thức của một bộ phận người dân đối với di sản văn hóa còn hạn chế. Người dân khi phát hiện được hiện vật không kịp thời báo cáo với các cơ quan chức năng, nên hiện vật đã bị thất thoát hay một số ít người dân có tâm lý không muốn giao nộp hiện vật cho Bảo tàng mà muốn bán cho các nhà sưu tập tư nhân cũng là trở ngại lớn trong việc sưu tầm các hiện vật có giá trị. Kinh phí hoạt động sưu tầm, kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh của Bảo tàng chủ yếu được cấp theo định mức hàng năm với mức hạn hẹp, nên rất khó sưu tầm được các hiện vật có giá trị lớn về văn hóa, lịch sử (hiện vật quý hiếm) và các di tích có quy mô lớn và giá trị về lịch sử. Mặt khác, công tác sưu tầm của Bảo tàng đang gặp phải sự cạnh tranh rất lớn của các nhà sưu tập tư nhân. Ngoài ra, các phong tục tập quán, tín ngưỡng, môi trường diễn xướng thay đổi và thu hẹp dần, đặc biệt một bộ phận không nhỏ người đồng bào bản địa theo đạo tin lành, thế hệ trẻ đa số theo lối sống hiện

đại không còn mặn mà với văn hóa truyền thống...

#### **5. Công tác Bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa của địa phương tại bảo tàng tỉnh Đắk Nông**

Để công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa của địa phương đang lưu giữ tại bảo tàng đạt kết quả tốt, trong thời gian tới cần có sự quan tâm của các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng triển khai thực hiện đồng bộ các vấn đề như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của di sản văn hóa và việc thực hiện Luật Di sản văn hóa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa; tuyên truyền, vận động đến từng địa phương trong tỉnh để người dân hiểu rõ việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, qua đó báo cáo kịp thời cho các cơ quan chức năng khi phát hiện những hiện vật. Sưu tầm hiện vật theo hướng dài hạn và đa dạng hóa các hoạt động sưu tầm, chú trọng các hiện vật có giá trị về lịch sử - văn hóa mang tính đặc thù của tỉnh. Tiếp tục bổ sung thêm nguồn kinh phí cho công tác sưu tầm hiện vật để phong phú và đa dạng. Đặc biệt phải có “Nhà trưng bày hiện vật” để đáp ứng nhu cầu tham quan, học tập, nghiên cứu và quảng bá, giới thiệu Di sản Văn hóa của địa phương đến người dân trong và ngoài tỉnh.

# NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG BỆNH VI RÚT VÀ MÔ HÌNH SẢN XUẤT TIÊN TIẾN TRÊN CÂY CHANH DÂY Ở ĐẮK NÔNG

✎ TS. Nguyễn Văn Hòa

## I. Đặt vấn đề

Với điều kiện thuận lợi về khí hậu nhiệt đới, đa dạng về sinh thái nên chủng loại cây ăn quả ở Việt Nam rất phong phú, hiện có hơn 40 chủng loại cây ăn quả khác nhau. Trong những năm gần đây, với nguồn lợi kinh tế mang lại từ chanh dây, chanh dây đã phát triển với quy mô lớn ở Việt Nam cả về diện tích và sản lượng.

Từ năm 2013 đến cuối tháng 4/2014, giá cả sản phẩm chanh dây liên tục tăng, có thời điểm đạt 25.000 đồng/kg quả tươi. Những tháng đầu năm 2018 có lúc giá lên đến 50.000 đồng/kg quả tươi. Do đó, đã kích thích người dân chuyển đổi cây trồng, ở ạt mở rộng diện tích trồng chanh dây. Theo số liệu của Cục trồng trọt (2017) năm 2016 diện tích chanh dây cả nước là 5.341 ha và chanh dây được xếp vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia phục vụ nội tiêu và xuất khẩu nên định hướng đến năm 2020 diện tích là 5.500 ha. Nguy cơ bùng phát một số loại dịch hại là điều khó tránh khỏi. Vì vậy, cần nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật quản lý các bệnh hại quan trọng và áp dụng kỹ thuật vào sản xuất để phòng trừ tốt

bệnh hại trên chanh dây, xây dựng mô hình phù hợp cho tỉnh Đắk Nông góp phần tăng hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững cây chanh dây.

## II. Mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

### 1. Mục tiêu nghiên cứu

Xác định tác nhân và tìm ra những giải pháp an toàn để quản lý hiệu quả bệnh do vi rút và một số dịch hại quan trọng khác trên cây chanh dây.

Xây dựng mô hình sản xuất chanh dây tiên tiến có áp dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững hơn. Từ đó, đề xuất quy trình phòng chống bệnh vi rút trên cây chanh dây (*Passiflora edulis*) ở Đắk Nông.

### 2. nội dung nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu các nội dung sau:

- Điều tra tình hình sâu bệnh hại cho sản xuất chanh dây ở Đắk Nông.

- Đánh giá thành phần và xác định tác nhân gây hại của một số bệnh vi rút chủ yếu trên chanh dây.

- Nghiên cứu các biện pháp quản lý tổng hợp phòng chống bệnh vi rút gây hại

trên chanh dây.

- Xây dựng mô hình sản xuất tiên tiến, quản lý tổng hợp phòng chống bệnh vi rút gây ra.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

- Điều tra tình hình sâu bệnh hại cho sản xuất chanh dây ở Đắk Nông.

- Đánh giá thành phần và xác định tác nhân gây hại của một số bệnh vi rút chủ yếu trên chanh dây.

- Xây dựng mô hình cải tiến từ phương thức sản xuất truyền thống và tiên tiến, quản lý tổng hợp phòng chống bệnh vi rút gây ra.

## III. Kết quả và bàn luận

### 1. Kết quả điều tra hộ trồng chanh dây

Kết quả khảo sát cho thấy diện tích trung bình giữa các hộ biến động từ 0,8 – 1,1 ha. 100% số hộ điều tra ở cả 4 huyện, thị: Đắk R'lấp, Đắk G'long, Tuy Đức và thị xã Gia Nghĩa đều không tham gia vào hợp tác xã. Hầu hết các xã đều sử dụng giống Đài Loan 1, một số ít hộ sử dụng giống Đài Nông 1. 100% số hộ nhân giống chanh dây hoàn toàn bằng phương pháp ghép. Giá



tiền cho 1 cây giống biến động từ 28.000 đồng – 42.000 đồng và khoảng cách không đồng nhất giữa các hộ. 100% các hộ đều tự mua cây giống chanh dây về trồng, các giống này được cung cấp tại địa phương là chính. Chất lượng giống đa số ở mức trung bình và hiện trạng nhiễm bệnh rất cao. Khi cây giống được mua về thì đa số các hộ đều không trồng liền mà chủ yếu để từ 7 – 15 ngày mới đem trồng. Chanh dây được trồng xen canh rất cao, đặc biệt là ở Đăk R'láp (73,3%) và Đăk G'long (70%).

Cây chanh dây ra hoa không ổn định, biến động từ 2 – 6 tháng, trong đó thời gian ra hoa ở thời điểm 4 tháng tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất, kế đến là 3 tháng tuổi.

Việc tỉa cành tạo tán vào thời gian sau thu hoạch, khi cây lên giàn và phân nhánh nhiều được các hộ áp dụng với tỷ lệ cao. Tuy nhiên, khi cắt tỉa xong thì hầu hết các hộ không vệ sinh dụng cụ và để các bộ phận nhiễm bệnh khắp mọi nơi trong vườn. Phân bón chưa được cung cấp đủ cho cây; sử dụng vôi bón lót cho cây tương đối cao. Hầu hết các hộ đều không được tập huấn IPM về cây chanh dây, chủ yếu trồng tự phát. Do đó, việc xử lý đất và cây giống trước khi trồng không được các hộ áp dụng chiếm tỉ lệ rất cao ở cả 4 địa bàn điều tra.

Hầu hết số hộ không nhận

diện được sâu bệnh và tác nhân gây ra bệnh, đặc biệt là bệnh vi rút. Một số đối tượng côn trùng xuất hiện trên chanh dây cũng được nông hộ nhận diện, tuy nhiên chưa quan tâm đến việc phòng trừ, đặc biệt rầy phấn trắng là một trong những đối tượng có khả năng liên quan đến bệnh vi rút gây bệnh hóa bần vỏ quả và quăn lá. Có nhiều hộ không nhớ tên thuốc đã sử dụng, không am hiểu về thuốc bảo vệ thực vật nên hiệu quả không cao khi sử dụng thuốc.

Qua kết quả điều tra trực tiếp, đề tài ghi nhận 3 loại bệnh (bệnh vi rút gây hóa bần vỏ quả, quăn lá vi rút và đốm nâu) và 9 loại côn trùng (sâu vẽ bùa, kiến, sâu đục cành, nhện đỏ, rệp sáp, bọ trĩ, ruồi đục quả, rầy mềm, rầy phấn trắng) gây hại trên vườn cây chanh dây. Trong đó, bệnh vi rút gây hóa bần vỏ quả gây hại nặng nhất, kế đến là bệnh quăn lá vi rút.

### **2. Kết quả đánh giá thành phần và xác định tác nhân gây hại của một số bệnh vi rút chủ yếu trên chanh dây**

Tác nhân gây bệnh do vi rút trên chanh dây ở Đăk Nông là chi Potyvirus, dòng Đông Nam Á (EAPV) gây bệnh cứng quả, chiếm tỉ lệ 50%, 2 vi rút mới gây xoắn lá (PaLCuGDV và EuLCV) thuộc chi Begomovirus với tỷ lệ khá cao là 72,5% và 70% tương ứng, có sự hiện diện của một dòng

vi rút mới thuộc chi Potyvirus gây khảm lá trên chanh dây. Ngoài ra, có sự hiện diện của vi rút thuộc chi Begomovirus và Potyvirus trên một số cây cỏ dại mọc trong vườn chanh dây khảo sát tại Đăk Nông.

### **3. Kết quả khảo sát ảnh hưởng của phân bón lá, chất điều hòa sinh trưởng**

Sử dụng chế phẩm như AE-Dinh dưỡng tổng hợp, AC Gaba-Cyto, Bioking Gold và BioGem-Bionic trên chanh dây giúp cây chanh dây có tỷ lệ đậu quả cao, chiều dài cành cấp 1 dài hơn so với lô đối chứng nông dân và số cành cấp 2 trên cành cấp 1 cao hơn lô đối chứng nông dân... đã giúp gia tăng năng suất cho cây chanh dây.

### **4. Kết quả các loại giàn trồng, phương pháp cắt tỉa phù hợp cho năng suất cao và dễ kiểm soát bệnh**

Kiểu giàn trồng chữ T với 2 dây thép kết hợp chọn một thân chính và cành cấp 2, cấp 3. Sau thu hoạch xong, cắt hết tất cả các cành cấp 2, cấp 3 trên mặt giàn chỉ để lại thân từ mặt đất tới giàn có tỷ lệ ra hoa và đậu quả cao nên năng suất cao hơn so với đối chứng nông dân kiểu giàn phẳng.

### **5. Kết quả khảo sát hiệu quả của các loại thuốc hóa học lưu dẫn, sinh học và vi sinh vật có lợi đối với môi giới truyền bệnh rầy mềm (*Myzus persicae*) và nhện trắng trong**

**phòng thí nghiệm bằng biện pháp phun**

Trong điều kiện phòng thí nghiệm, nghiệm thức Actara 25WP (hoạt chất Thiamethoxam) có hiệu lực diệt rầy mềm *Aphis gossypii* cao nhất đạt 95% ngay từ giai đoạn 1 ngày sau phun. Sau 3 ngày phun, các nghiệm thức đạt hiệu lực 100% gồm nghiệm thức Actara 25Wp, Applaud 10WP, Dantotsu 50WG, Movento 150OD, Confidor 100SL. Các nghiệm thức dịch trích neem (5%), dịch trích tỏi (5%), dịch trích xoan (5%) và bột tỏi cho hiệu lực phòng trừ rầy mềm *Aphis gossypii* thấp, chỉ phát huy hiệu quả ở giai đoạn 7 ngày sau phun.

Thí nghiệm trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy nghiệm thức Alphamite 15EC có hiệu lực diệt nhện trắng *Polyphagotarsonemus* sp. Hiệu quả nhất ở cả 3 thời điểm sau phun. Ở thời điểm 5 ngày sau phun, tất cả các nghiệm thức (Ortus 5 SC, Abatin 5.4EC, Nissorun 5EC, Nissorun 5EC + Abatin 5.4EC, Alphamite 15EC, Dantotsu 50WG, Acplant 1.9EC, Nugor 40EC) đều cho kết quả diệt nhện trắng 100%.

**6. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của các phương pháp xử lý thuốc hóa học lưu dẫn đối với môi giới truyền bệnh rầy mềm (*Myzus persicae*) trong điều kiện nhà lưới**



► Mô hình sản xuất chanh dây tiên tiến của HTX Nông lâm nghiệp và Thương mại Tia sáng Đắk Nông.

Thí nghiệm trong nhà lưới, nghiệm thức Actara 25Wp có khả năng lưu dẫn và hiệu lực diệt rầy mềm *Aphis gossypii* tốt nhất so với các nghiệm thức có xử lý thuốc, đạt hiệu lực 93,81% sau 7 ngày tưới thuốc. Nghiệm thức Confidor 100SL (hoạt chất Imidacloprid) cho hiệu quả tốt trong thí nghiệm này. Dantotsu 50WG (hoạt chất Clothianidin) cho hiệu quả diệt trừ rầy mềm thấp.

Đánh giá khả năng lưu dẫn và hiệu lực của một số loại thuốc bảo vệ thực vật hóa học đối với rầy mềm bằng phương pháp sơn thuốc vào gốc” cho thấy cả hai loại thuốc actara 25WP và Confidor 100SL có hiệu lực diệt rầy mềm tương đối ở giai đoạn 5 ngày sau sơn gốc ở các khoảng cách trung bình 25cm.

**7. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của các phương pháp xử lý thuốc hóa học lưu dẫn đối với nhện trắng trong điều kiện nhà lưới**

Thí nghiệm tưới thuốc lưu dẫn vào gốc chanh dây ở nồng độ khuyến cáo, cho thấy nghiệm thức tưới thuốc Nugor 40EC và Acplant 1.9EC có khả năng lưu dẫn và hiệu lực diệt nhện trắng *Polyphagotarsonemus* sp. tốt nhất và đạt hiệu lực mạnh nhất tại thời điểm 3 ngày sau khi tưới thuốc ở tất cả các khoảng cách 25cm, 50cm và 100cm tính từ gốc (hiệu lực đạt từ 80 – 100%). Thuốc Dantotsu 50WG cho hiệu quả diệt trừ nhện trắng thấp ở phương pháp tưới gốc.

Phương pháp sơn lên gốc ở

nồng độ pha loãng 1 lần thì tất cả 3 loại thuốc Nugor 40EC, Acplant 1.9EC và Dantotsu 50WG có hiệu lực diệt nhện trắng *Polyphagotarsonemus* sp. thấp.

#### **8. Kết quả xây dựng mô hình sản xuất tiên tiến, quản lý tổng hợp phòng chống bệnh vi rút gây ra**

Đề tài đã xây dựng được 2 mô hình: 1 mô hình cải tiến từ phương thức sản xuất truyền thống và 1 mô hình chanh dây theo sản xuất tiên tiến.

Quy trình trồng chanh dây theo canh tác tiên tiến mang lại lợi nhuận cho người trồng chanh dây là 1.103.858.000 đồng/ha, đối với mô hình truyền thống là 188.364.000 đồng/ha, việc nghiên cứu mô hình chanh dây theo phương thức tiên tiến bước đầu cho thấy đã mang lại những lợi ích tích cực cho những vấn đề phát triển cây chanh dây.

Dựa vào những số liệu mà đề tài đã phân tích, có thể thấy hiệu quả tài chính của hộ nông dân tham gia vào mô hình trồng chanh dây tiên tiến cao hơn nhiều so với các hộ nông dân không tham gia vào mô hình trồng truyền thống.

#### **IV. Kết luận và khuyến nghị**

##### **1. Kết luận**

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình phòng chống bệnh vi rút và mô hình sản xuất tiên tiến trên cây chanh dây ở Đắk Nông” đã được triển khai thực hiện từ tháng 10/2014 đến 3/2018, tại Viện cây ăn quả miền Nam và tỉnh Đắk Nông. Kết quả nghiên cứu đã đạt được mục tiêu mà đề tài đặt ra. Xác định tác nhân và tìm ra những giải pháp an toàn để quản lý hiệu quả bệnh do vi rút và một số dịch hại quan trọng khác trên cây chanh dây.

Kết quả thực hiện 2 mô hình sản xuất chanh dây cho

thấy lợi nhuận ở mô hình tiên tiến cao hơn mô hình truyền thống cải tiến là 915.494.000 đồng/ha.

Xây dựng được 02 quy trình kỹ thuật cho cây chanh dây (01 quy trình giám định bệnh vi rút và 01 quy trình phòng chống bệnh vi rút trên chanh dây).

Biên soạn được 01 sổ tay nhận diện sâu bệnh hại trên chanh dây và biện pháp quản lý tổng hợp.

##### **2. Khuyến nghị**

Chuyển giao cho người trồng chanh dây bằng kiểu giàn trồng chữ T.

In ấn và cấp phát đến người trồng chanh dây các quy trình sản xuất chanh dây và sổ tay chanh dây.

Nghiên cứu đa dạng di truyền và dịch tễ học bệnh cứng quả hỗ trợ cho công tác quản lý và phòng bệnh.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bùi Thị Ngọc Lan, Hồ Mỹ Tú, Trần Thị Thu Yến, Phạm Văn Vui và Nguyễn Văn Hòa (2015), Kết quả bước đầu xác định một số bệnh vi rút gây hại trên cây chanh dây tại Tiền Giang, Nghệ An và Đắk Nông, Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ rau hoa quả 2014, Viện Cây ăn quả miền Nam, trang 1-11.
2. Nguyễn Mạnh Chinh (2012), Cẩm nang thuốc bảo vệ thực vật. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
3. Nguyễn Văn Tuất và Lê Văn Huyét (2000), sản xuất chế biến và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc và sinh học. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội.
4. Trần Thế Lâm và Phạm Văn Lâm (2011), Một số đặc điểm sinh vật học của rệp muội bông *Aphis gossypii* Glover (Homoptera: Aphididae) hại cây bông, Quyển 3: Công trình nghiên cứu khoa học về côn trùng, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, trang 164 – 169.
5. Vũ Thị Nga, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Lành (2011), Đặc điểm sinh vật học của rệp bông *Aphis gossypii* Glover (Homoptera: Aphididae) và biện pháp phòng trừ chúng trên cây bằng lăng nước, Báo cáo khoa học Hội nghị côn trùng học quốc gia lần thứ 7. Nhà xuất bản Nông nghiệp, trang 614 – 619.

# GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO THANH NIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH ĐẮK NÔNG, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

## I. Đặt vấn đề

Đắk Nông là tỉnh có số lượng lớn thanh niên người dân tộc thiểu số, với 28.499 người chiếm khoảng 19% trong tổng số thanh niên trên địa bàn tỉnh. Lực lượng thanh niên là người dân tộc thiểu số có trình độ dân trí thấp, hầu hết trình độ văn hóa chỉ tốt nghiệp cấp I, cấp II, nên việc tiếp thu các trình độ khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế, tỉ lệ lao động qua đào tạo thấp, nhất là lao động trong nông nghiệp; đời sống của dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn, thanh niên thiếu việc làm. Giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số là vấn đề hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay của tỉnh, không những để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội mà còn để giúp cho việc xây dựng và giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## II. Mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

### 1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nhận diện và đánh giá thực trạng vấn đề, đề tài sẽ góp phần đưa ra các giải pháp giúp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan giải quyết việc làm đối với thanh niên nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số trên địa

bàn tỉnh Đắk Nông nói riêng.

### 2. Nội dung nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận về việc làm và giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số.

Đánh giá thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

Giải pháp giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các biện pháp nghiên cứu khoa học xã hội của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Mác-Lê Nin; Các phương pháp nghiên cứu xã hội học; Các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề giải quyết việc làm cho thanh niên; Sử dụng phương pháp phân tích số liệu; Điều tra xã hội học; Kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn trực tiếp) với phương pháp nghiên cứu định lượng (điều tra theo phiếu).

## III. Kết quả và bàn luận

### 1. Cơ sở lý luận về việc làm và giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số

1.1. Một số vấn đề chung về việc làm và giải quyết việc làm

✎ Phạm Vương Quốc Trung -  
Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông

cho thanh niên dân tộc thiểu số.

Nội dung này đề tài làm rõ một số khái niệm cơ bản; Một số lý thuyết hiện đại về tạo việc làm; Chính sách việc làm; Chính sách việc làm đối với thanh niên và thanh niên dân tộc thiểu số.

1.2. Đề tài nghiên cứu quan điểm, chủ trương, hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước về giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong thực hiện giải quyết việc làm cho thanh niên và thanh niên dân tộc thiểu số một số nước trên thế giới (Đức, Trung Quốc, Na Uy) và trong nước (Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lâm Đồng) thời gian qua.

### 2. Thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông

2.1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông.

Tìm hiểu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông để nhìn nhận được những ưu điểm, mặt lợi thế cũng như những khó khăn, thách thức đặt ra cho tỉnh Đắk Nông mà nó tác động trực tiếp đến giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số.

2.2. Thực trạng về giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

Đánh giá thực trạng giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số, trong đó chú trọng nghiên cứu về hệ thống chính sách giải quyết việc làm và thực tiễn giải quyết việc làm ở nước ta, đánh giá mặt ưu điểm, tồn tại, hạn chế về chính

sách giải quyết việc làm và tình hình giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

- *Về tình hình việc làm của thanh niên dân tộc thiểu số:* Theo Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông, năm 2015, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 373.987 người (tăng 3% so với năm 2011), trong đó khu

vực thành thị là 56.111 người (15%), khu vực nông thôn là 317.876 người (85%); Lao động đang làm việc (tại thời điểm 01/7) là 371.979 người (đạt 99,4%) trong đó khu vực thành thị là 55.014 người (chiếm 61,24% dân số thành thị), khu vực nông thôn là 316.965 người (chiếm 64,15% dân số nông thôn).

Năm	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên					Lực lượng lao động đang làm việc tại thời điểm 01/7 hàng năm				
	Số lượng (người)			Tỷ lệ (%)		Số lượng (người)			Tỷ lệ so với dân số (%)	
	Tổng	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Tổng	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
2010	293.434	43.458	249.976	14,81	85,19	291.683	42.852	248.831	56,14	57,30
2012	320.705	47.508	273.197	14,81	85,19	320.155	47.227	272.928	57,81	59,81
2013	349.179	55.282	293.897	15,83	84,17	348.421	54.967	293.454	64,45	62,46
2014	353.453	52.464	300.989	14,84	85,16	352.992	52.127	300.865	59,41	62,97
2015	373.987	56.111	317.876	15,00	85,00	371.979	55.014	316.965	61,24	64,15
2016	381.273	55.789	325.484	14,63	85,37	379.948	55.409	324.539	59,71	62,80

Việc phân bố dân cư và lao động có sự chênh lệch nhiều giữa thành thị và nông thôn, lao động tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn.

- *Thực trạng về giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông:*

Năm 2005, tỉnh Đắk Nông chỉ có 04 cơ sở dạy nghề đi vào hoạt động, đến năm 2015 đã có 19 cơ sở dạy nghề có chức năng dạy nghề trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong đó, có 03 cơ sở dạy nghề ngoài công lập và 16 cơ sở dạy nghề công lập. Mặc dù các cơ sở dạy nghề của tỉnh có tăng lên, nhưng so với nhu cầu đào tạo nghề hiện nay của nguồn lao động trên địa bàn tỉnh và so với mặt bằng chung giữa các tỉnh trong khu vực thì hệ thống cơ sở dạy nghề của tỉnh vẫn còn quá ít.

Từ năm 2005 - 2010 đã

đào tạo nghề cho 19.879 người từ Chương trình mục tiêu quốc gia; công tác xã hội hóa ngành nghề; Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam... Riêng trong năm 2012, số người được đào tạo nghề là 11.000 người và số lao động được giải quyết việc làm là 17.281 người.

Qua kết quả điều tra xã hội, tỷ lệ thanh niên dân tộc thiểu số

chưa có việc làm và đã mất việc làm chiếm tỷ lệ khá lớn, trong khi số lượng thanh niên có việc làm 206 người (40,4%); đã từng có việc làm có 92 người (11,8%); chưa bao giờ có việc làm có 212 người (41,6%).

Qua nghiên cứu đề tài đã phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

- Về thực trạng cơ chế, chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số thời gian qua:

Trên cơ sở những chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, tỉnh Đắk Nông đã xây dựng và thực hiện các chính sách đối với thanh niên dân tộc thiểu số sau: Chính sách đào tạo, dạy nghề; Chính sách sử dụng đội ngũ cán bộ là con em đồng bào dân tộc thiểu số trong cơ cấu cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; Chính sách giao khoán rừng để tạo việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số; Chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2006-2010 (theo Chương trình 135, giai đoạn II); Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg và Quyết định 1592/2009/QĐ-TTg; Chính sách cho vay đối với hộ dân tộc thiểu số khó khăn; Chính sách định canh định cư vùng đồng bào dân tộc.

Qua đó, đánh giá về chính

sách giải quyết việc làm đối với thanh niên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Đề tài cũng đã làm rõ ảnh hưởng của đặc điểm về văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo tác động đến thanh niên dân tộc thiểu số.

### **3. Những giải pháp cơ bản về giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông**

3.1. Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông về nghề nghiệp, học nghề và việc làm để từng bước tiếp cận với thị trường lao động.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi việc học nghề;

Đổi mới công tác giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ, từ đó phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích của thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.2. Giải pháp về tạo việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa;

Phát triển các ngành dịch vụ;

Phát triển thị trường lao động để tạo việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số;

Thực hiện bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số;

Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức tăng cường tuyển dụng lao động dân tộc thiểu số vào làm việc.

3.3. Giải pháp về xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

3.4. Giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và các tổ chức đoàn thể liên quan trong việc thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm;

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể, doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số;

Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số;

Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong giải quyết việc làm cho thanh niên.

## **IV. Kết luận và khuyến nghị**

### **1. Kết luận**

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành tỉnh Đắk Nông đã quan tâm đến công tác giải quyết việc làm. Các ngành sản xuất kinh

doanh, các đoàn thể, huyện, thị xã trong thời gian qua đã có những hoạt động thiết thực cho công tác giải quyết việc làm như: Phong trào thi đua sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, tìm thị trường mới, tăng khả năng cạnh tranh trong công nghiệp, phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình của các tổ chức quần chúng, các hội. Hoạt động của các loại hình kinh tế phát triển nhanh, rất cơ động, đạt hiệu quả kinh tế cao đã thu hút và tạo việc làm cho nhiều lao động.

Tuy nhiên, ở Đắk Nông hiện nay vấn đề tạo việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số vẫn là một vấn đề bức xúc do lực lượng lao động này ngày càng tăng, chất lượng và cơ cấu lao động chưa đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động. Trong thời gian tới, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức chính trị - xã hội, giữa các ngành ở cấp tỉnh đến cấp huyện, xã, phường và cơ sở. Tuyên truyền đường

lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc làm, tạo ra những nhân tố mới làm thay đổi cơ bản nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và mọi người dân về giải quyết việc làm để cho thanh niên dân tộc thiểu số năng động và chủ động tự tạo việc làm cho mình và cho người khác, không ỷ lại trông chờ vào Nhà nước. Gắn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu giải quyết việc làm, coi giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số là công cụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ và giữ vững sự ổn định an ninh quốc phòng.

## **2. Khuyến nghị**

- *Đối với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương:* Tiếp tục hoàn thiện chính sách giáo dục, đào tạo nghề cho thanh niên, nhất là thanh niên dân tộc thiểu số; Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù trong giải quyết việc làm cho thanh niên; Tăng cường nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, ưu tiên các nguồn vốn ODA, các chương trình, dự án quốc gia để phát triển công tác đào tạo

nguồn lao động cho Đắk Nông.

- *Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông:* Tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng về thực hiện tốt các chính sách việc làm, thu nhập nhằm khuyến khích và phát huy tiềm năng lao động trẻ; Ban hành cơ chế khuyến khích việc tổ chức đào tạo nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; Thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên theo các nhóm đối tượng; Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đặc biệt là thanh niên dân tộc thiểu số; Thực hiện xã hội hóa công tác giải quyết việc làm cho thanh niên; Tăng cường công tác tuyên truyền và xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia về hướng nghiệp, tạo việc làm cho thanh niên; Gắn kết Đắk Nông với các chương trình, dự án phát triển của các vùng và cả nước trong việc đào tạo lao động là thanh niên dân tộc thiểu số; Tạo điều kiện cho thanh niên dân tộc thiểu số vay vốn, kết hợp chuyển giao kỹ thuật để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (2008), Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (2011), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ X giai đoạn 2011-2015.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (2015), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ X giai đoạn 2015-2020.
4. Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Đắk Nông, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Đắk Nông, khóa I, nhiệm kỳ 2007 - 2012.
5. Chính phủ (2016), Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số 2016-2020, định hướng đến năm 2030.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2011), Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 15/6/2011 về báo cáo tổng kết thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2006-2010 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2011-2015.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2011), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến 2020.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2011), Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020.

## **10 SỰ KIẾN KHOA HỌC NỔI BẬT NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2018**

### **1. Nhà vật lý người Anh – Stephen Hawking qua đời**

Ông trở thành giáo sư vật lý năm 35 tuổi, đặt nền móng cho ngành vũ trụ học với giả thuyết hố đen phát ra “bức xạ Hawking” năm 1974. Cuốn sách *Lược sử thời gian* năm 1988 do ông là tác giả đã có hơn 10 triệu bản bán ra.

Stephen Hawking qua đời tại nhà riêng ở Cambridge (Anh), hôm 14/3/2018, hưởng thọ 76 tuổi. Cách ông vượt qua bệnh tật và đạt đến đỉnh cao trong nghiên cứu đã truyền cảm hứng cho những người làm khoa học.

### **2. Tàu thăm dò NASA đáp thành công xuống sao Hỏa**

Ngày 27/11, tàu thăm dò InSight trị giá 850 triệu USD của NASA tiếp đất an toàn trên sao Hỏa, đánh dấu lần hạ cánh thành công đầu tiên xuống hành tinh đỏ. Chuyến hạ cánh được mô tả là “7 phút kinh hoàng” vì InSight phải giảm tốc độ từ 19.800 km/h xuống còn 5 km/h chỉ trong vài phút.

InSight “tiếp đất” thành công mở ra kỷ nguyên mới với các công cuộc khám phá tiếp theo để các nhà khoa học có thể biết được những gì có bên dưới bề mặt sao Hỏa, thứ trước đây luôn là bí ẩn.

### **3. Sự trở dậy của các phương tiện bay**

Năm 2018 ghi nhận nhiều

mẫu xe bay được giới thiệu và thử nghiệm, thứ trước đây chỉ có trong các bộ phim khoa học viễn tưởng, bao gồm: Xe bay siêu nhẹ điều khiển bằng cần lái Flyer của công ty Kitty Hawk ở Mỹ; xe bay Transition của công ty Terrafugia, Mỹ; Xe bay cá nhân Scorpion của công ty Hoversurf. Các phương tiện bay đang hứa hẹn viễn cảnh chấm dứt tình trạng ùn tắc giao thông trong tương lai.

### **4. NASA phóng thành công tàu thăm dò Parker**

Ngày 12/8, NASA phóng thành công tàu thăm dò Parker tại Trạm không quân Cape Canaveral, Florida, Mỹ. Con tàu có nhiệm vụ tiếp cận Mặt Trời ở khoảng cách gần nhất từ trước tới nay trong dự án kéo dài 7 năm.

Việc tàu Parker được phóng thành công mang lại hy vọng cho các nhà khoa học có thể khám phá vành nhật hoa, gió Mặt Trời, nguyên lý hoạt động của các ngôi sao, dự báo sự kiện thời tiết vũ trụ có thể ảnh hưởng tới vệ tinh, phi hành gia và sự sống trên Trái Đất.

### **5. Nhà khoa học Trung Quốc công bố tạo ra em bé chỉnh sửa gene đầu tiên**

Ngày 26/11, tại Hong Kong, nhà nghiên cứu Hạ Kiến Khuê (người Thâm Quyển, Trung Quốc) tuyên bố tạo ra hai bé gái

song sinh chỉnh sửa gene đầu tiên trên thế giới bằng kỹ thuật chỉnh sửa gene CRISPR-Cas9 trên phôi thai của 7 cặp đôi.

Ông Hạ cho rằng thí nghiệm không phải để chữa trị hay ngăn ngừa bệnh di truyền mà nhằm thử chèn thêm các đặc tính sinh học hiếm như khả năng kháng nhiễm HIV.

Công trình của PGS Hạ Kiến Khuê làm bùng nổ cuộc tranh cãi toàn cầu về áp dụng công nghệ gene trên người, đặc biệt là chỉnh sửa gene, với lo ngại về tôn giáo, đạo đức, pháp luật. Mặt khác, giới nghiên cứu cho rằng chỉnh sửa gene trên người khi không kiểm chứng được tương tác của các gene thêm vào hoặc bị loại bỏ, là đầy mạo hiểm.

Chưa ai khẳng định được đây là bước tiến hóa dài hay thảm họa nhân loại.

### **6. Trung Quốc nhân bản đôi khi đầu tiên trên thế giới**

Nhóm nghiên cứu ở Viện Hàn lâm Khoa học tại Thượng Hải lần đầu nhân bản thành công hai con khi đười đười khỏe mạnh bằng kỹ thuật chuyển nhân tế bào sinh dưỡng (SCNT).

Việc tạo ra những con khi nhân bản có gene giống hệt nhau sẽ giúp tạo ra nguồn mẫu vật để nghiên cứu các bệnh về não do di truyền, ung thư, rối loạn miễn dịch hoặc trao đổi



chất, cho phép đánh giá độ hiệu quả của thuốc chữa bệnh trước khi đưa vào sử dụng lâm sàng.

### 7. Thay đổi định nghĩa kilogram

Từ ngày 20/5/2019, định nghĩa kilogram thay đổi bằng hằng số Planck nhằm đảm bảo đại lượng này luôn đáng tin cậy, giúp các phép đo khối lượng trở nên chính xác.

### 8. Máy bay siêu thanh Mỹ chở người lên rìa vũ trụ

Ngày 13/12, VSS Unity, máy bay siêu thanh gắn động cơ tên lửa của hãng Virgin Galactic, đã phóng lên rìa vũ trụ từ Cảng Hàng không và vũ trụ Mojave ở California.

### 9. Trung Quốc hoàn thành cầu vượt biển dài nhất thế giới

Cầu vượt biển dài 55 km nối Hong Kong - Macau - Chu Hải khánh thành ngày 23/10 được mệnh danh là kỳ quan kiến trúc thế giới. Với vốn đầu tư 18 tỷ USD. Cây cầu chịu được động đất 8 độ richter, siêu bão và tàu thuyền va chạm.

### 10. Nguyệt thực toàn phần dài nhất thế kỷ

Nguyệt thực toàn phần dài nhất thế kỷ diễn ra vào rạng sáng 28/7, kéo dài từ 0h14 đến 5h19 theo giờ Hà Nội. Đây là một trong những sự kiện thiên văn gây chú ý nhất trong thế kỷ 21. Hiện tượng có thể quan sát ở phần lớn các nước châu Phi, châu Á, châu Âu và châu Đại Dương.

✉ Trần Huy Vân - Nguồn: <https://vnexpress.net>

## 10 SỰ KIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM TIÊU BIỂU NĂM 2018

### 1. Hệ tri thức Việt số hóa chính thức được vận hành

Đây là đề án đã được chính thức khởi động dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam. Với mục tiêu “Chia sẻ tri thức - Cổ vũ sáng tạo - Kết nối cộng đồng - Vì tương lai Việt Nam”, Hệ tri thức Việt số hóa được thiết lập để hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ tri thức tổng hợp trong mọi lĩnh vực.

Đề án này góp phần thúc đẩy và tạo điều kiện để mọi người học tập, làm chủ tri thức, tăng cường nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN), thúc đẩy phát triển đất nước.

### 2. Công trình “cấu trúc polymer và cơ chế hoạt động xúc tác tạo H<sub>2</sub> của molybdenum sulfide vô định hình”

Đây là đề tài được tiến sĩ Trần Đình Phong - Trưởng khoa Khoa học cơ bản và Ứng dụng, Trường Đại học KH&CN Hà Nội cùng với nhóm nghiên cứu đã nghiên cứu thành công. Đề tài được trao Giải thưởng Tạ Quang Bửu năm 2018.

Nghiên cứu đã chứng minh thành công cấu trúc và cơ chế hoạt động của molybden sulfide vô định hình, một loại vật liệu dễ chế tạo với giá thành thấp có khả năng thay thế bạch kim cho phản ứng điều chế nhiên liệu

sạch H<sub>2</sub> từ nước. Nghiên cứu của Tiến sĩ Phong là một bước tiến quan trọng trong “cuộc chạy đua” tìm ra giải pháp về năng lượng và cắt giảm khí thải CO<sub>2</sub> ra môi trường.

### 3. Hệ thống tính cước thời gian thực của Viettel đoạt giải vàng kinh doanh quốc tế

Phần mềm vOCS 3.0 của Viettel được ban giám khảo đánh giá cao về sự sáng tạo; tác động đến số người sử dụng lớn.

Hiện tại, phần mềm vOCS 3.0 của Viettel đã được đưa vào sử dụng tại 11 nước trên thế giới với 170 triệu thuê bao di động và dung lượng mỗi site có thể đáp ứng lên đến 100 triệu thuê bao. Tính ưu việt nhất của phần mềm là khả năng thiết kế cho mỗi khách hàng một gói cước, từ đó mở ra cơ hội ứng dụng vOCS 3.0 ra nhiều nước trên thế giới.

### 4. Máy làm đá tuyết từ nước biển phục vụ bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ

Đây là kết quả của đề tài nghiên cứu do thạc sĩ Lê Văn Luân và cộng sự thực hiện. Đề tài đã được nghiệm thu loại xuất sắc và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực thủy sản.

Máy làm đá tuyết từ nước biển được chế tạo dựa trên các

nguyên vật liệu có khả năng chịu ăn mòn của nước biển.

Dùng đá tuyết bảo quản hải sản giúp thời gian bảo quản cá trên tàu lâu hơn nhờ nhiệt độ bảo quản thấp hơn đá nước ngọt, tốc độ làm lạnh hải sản nhanh hơn, làm tăng chất lượng của hải sản, giảm thiểu lượng hải sản bị hư hỏng, hủy bỏ, góp phần bảo vệ môi trường.

### **5. Vingroup ra mắt Quỹ Hỗ trợ nghiên cứu khoa học - công nghệ ứng dụng**

Với mục tiêu tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo, robotics, tự động hóa, công nghệ nano, năng lượng tái tạo, nguyên liệu thế hệ mới. Đây là hoạt động đầu tư lĩnh vực KH&CN có ý nghĩa của một doanh nghiệp lớn.

### **6. Nhà máy sản xuất thiết bị điện công nghệ cao Á Châu**

Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong lĩnh vực sản xuất, tích hợp - phát triển, quản lý vận hành, giám sát tự động hóa hệ thống năng lượng khi Việt Nam trở thành một trong hai quốc gia trên toàn thế giới có doanh nghiệp được ký kết hợp tác toàn diện và chuyển giao công nghệ cao.

### **7. Các hoạt động quốc tế về cách mạng công nghệ 4.0 diễn ra tại Việt Nam**

Đây là sự kiện quốc tế có quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì. Diễn đàn có mục đích

phục vụ việc xây dựng các chủ trương, chính sách của Việt Nam tham gia chủ động, có hiệu quả cách mạng 4.0, tuyên truyền cho cộng đồng xã hội về cách mạng công nghệ 4.0, tạo cơ hội tìm hiểu, xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực công nghệ nhất là công nghệ 4.0.

### **8. Giáo sư Đàm Thanh Sơn nhận Giải thưởng Dirac 2018**

Ngày 8/8/2018, Trung tâm Vật lý lý thuyết quốc tế (ICTP) trao giải thưởng vật lý Dirac 2018 cho giáo sư Đàm Thanh Sơn cùng với 2 nhà vật lý Subir Sachdev (Đại học Harvard) và Xiao - Gang Wen (Viện Công nghệ Massachusetts).

Họ đã tìm ra các định cơ học lượng tử ảnh hưởng như thế nào tới hoạt động của các nhóm hạt rất nhỏ. Ba nhà khoa học có nhiều đóng góp quan trọng giúp phát hiện các pha mới của vật chất và làm rõ quá trình chuyển tiếp giữa các pha khi những yếu tố tác động bên ngoài như nhiệt độ và áp suất thay đổi.

### **9. Tiến sĩ Nguyễn Thị Hiệp được vinh danh là Nhà khoa học trẻ tài năng của thế giới**

Tiến sĩ Nguyễn Thị Hiệp được vinh danh “nhà khoa học trẻ tài năng thế giới” tại Pháp nhờ những đóng góp cho ngành y tái tạo. Nhóm nghiên cứu của tiến sĩ Hiệp hiện đang thí nghiệm kiểm tra keo để tối đa hóa sự an toàn và hiệu quả của vật liệu.

Mục tiêu cuối cùng là thu được một sản phẩm có thể dán

ngay lập tức lên tất cả các loại vết thương, giúp loại bỏ vi khuẩn và thúc đẩy sự tái tạo mô nhanh. Khi dán keo lên, keo sẽ tạo thành một lớp màng để ngăn ngừa chảy máu, hấp thụ chất lỏng từ vết thương và ngăn ngừa nhiễm trùng từ vi sinh vật.

### **10. Phát hiện di tích cư trú của người tiền sử tại hang động núi lửa ở Krông nô, Đắk Nông**

Lần đầu tiên các nhà khoa học Việt Nam đã phát hiện ra các di tích cư trú của người tiền sử trong các hang động núi lửa, bổ sung thêm cho một loại hình cư trú mới, một kiểu thích ứng mới của cư dân tiền sử ở vùng đất đỏ Basalt Tây Nguyên. Đây được xem là bước ngoặt cho việc nghiên cứu nhân chủng học/cổ nhân học ở Việt Nam.

Di cốt người tiền sử trong hang động đá vôi ở Việt Nam cũng như trên thế giới khá phổ biến nhưng trong hang động núi lửa chưa có tài liệu nào công bố. Đây là di cốt đầu tiên được phát hiện trong hang động núi lửa ở Việt Nam và Đông Nam Á, hiếm gặp trên thế giới. Kết quả khai quật đã cung cấp những luận cứ khoa học thuyết phục cho việc phục dựng, tái hiện sinh cảnh người tiền sử. Đồng thời đóng góp bằng chứng có tính thuyết phục cao cho việc xây dựng Công viên địa chất toàn cầu ở Đắk Nông.

✉ Trần Huy Vân -

Nguồn: <http://www.vast.ac.vn>

## NGHIÊN CỨU MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG VÀ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT CANH TÁC PHÙ HỢP TRÊN ĐẤT SAU KHAI THÁC BAUXITE TỈNH ĐẮK NÔNG

✎ Tin, ảnh: Diệu Tâm

**Đ**ể khai thác và bảo vệ bền vững các vùng đất sau khai khoáng, việc bảo vệ tầng đất mặt và khôi phục thảm thực vật sau hoàn thổ có vai trò rất quan trọng. Hoạt động trồng cây che phủ, cải tạo đất để duy trì và quản lý bền vững thảm thực vật, gắn liền với hoạt động phát triển kinh tế, tạo nguồn thu nhập cho người dân, khuyến khích việc bảo vệ môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển bền vững ngành khai thác khoáng sản.

Ở Việt Nam ngành khai thác khoáng sản đã được hình thành và phát triển khá lâu, trong đó chủ yếu là khai thác than đá, apatit, đá vôi. Tại vùng Tây Nguyên, đặc biệt là tỉnh Đắk Nông có trữ lượng bauxite lớn nhất trong cả nước. Khai thác bauxite được coi là một cơ hội để phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Hiện nay, tại tỉnh đã có nhà máy Alumin Nhân Cơ đã đi vào hoạt động với công suất là 650.000 tấn alumin/năm. Ngày 16/12/2016, nhà máy đã cho ra sản phẩm alumin đầu tiên và từ ngày 01/7/2017 nhà máy chính thức được đưa vào vận hành thương mại. Năm 2017, nhà máy đạt sản lượng 501.000 tấn alumin, năm 2018 đã sản xuất được 650 tấn alumin vượt so với công suất cam kết vận hành của nhà máy (630.000 tấn alumin/năm), ước kế hoạch năm 2019

đạt 650.000 tấn. Theo báo cáo của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, nếu muốn sản xuất được 1 tấn alumin cần khoảng 2,5 tấn quặng bauxite tinh. Như vậy, để đạt công suất 650.000 tấn alumin mỗi năm cần khoảng 1,625 triệu tấn quặng bauxite. Vì vậy, việc khôi phục lại khu vực khai thác như ban đầu là một thách thức lớn, đòi hỏi chi phí cao, nếu không sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, đặc biệt là môi trường đất, thảm thực vật, tăng khả năng bị xói mòn, rửa trôi, trượt lở bề mặt đất, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Do đó, quá trình hoàn nguyên đất được tiến hành theo phương án cuốn chiếu song song với việc khai thác, khai thác đến đâu hoàn nguyên đến đó. Thực trạng đặt ra là phải có giải pháp bảo vệ, phục hồi, khai thác bền vững nguồn tài nguyên đất hoàn thổ sau khai khoáng, nhanh chóng tạo hành lang xanh để che phủ bề mặt đất sau hoàn thổ. Đứng trước những yêu cầu đó, cần phải tiến hành quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, đánh giá các vấn đề về môi trường ▶

khảo, sau tuyển quặng từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp cải tạo là một yêu cầu tất yếu.

Xuất phát từ những lý do trên, đề tài “Nghiên cứu một số loại cây trồng và biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp trên đất sau khai thác bauxite tỉnh Đắk Nông” được triển khai thực hiện với tổng thời gian thực hiện là 36 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2018, do Trung tâm Nghiên cứu và Quan trắc môi trường nông nghiệp miền Trung và Tây Nguyên (thuộc Viện Môi trường Nông nghiệp – Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam) chủ trì, Tiến sĩ Lê Hồng Lịch chủ nhiệm. Việc triển khai đề tài nhằm mục tiêu đánh giá hiện trạng đất hoàn thổ sau khai thác bauxite, xác định một số loại cây nông nghiệp, lâm nghiệp có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt trên đất hoàn thổ sau khai thác bauxite đồng thời đề xuất các biện pháp, kỹ thuật canh tác phù hợp./.



▶ Hình ảnh: Hội đồng giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài

## HỘI THẢO KHOA HỌC “VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG CÁC CẤP TRONG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG”

☞ Tin, ảnh: Diệu Tâm

**N**gày 23/11/2018, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh - Cơ quan chủ trì nhiệm vụ “Vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông” đã tổ chức Hội thảo khoa học nhằm tham vấn, lấy ý kiến đối với những kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ. Tham dự Hội thảo có đại diện Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp, Thanh tra tỉnh và một số Sở, ban, ngành liên quan trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả nghiên cứu được trình bày tại Hội thảo, trong giai đoạn từ năm 2010 - 2015, trên địa bàn tỉnh đã có 9.951 đơn với 7.628 vụ việc, trong đó có 8.544 đơn khiếu nại với 6.482 vụ việc và 1.407 đơn tố cáo với 1.146 vụ việc. Trong năm 2016, đã tiếp nhận 2.474 đơn thư, trong đó khiếu nại là 475 đơn, tố cáo là 195 đơn và kiến nghị, phản ánh là 1.804 đơn. Năm 2017, trên toàn tỉnh đã có 2.487, trong đó có 323 đơn khiếu nại, 205 đơn tố cáo và 1.959 đơn kiến nghị, phản ánh. Có thể thấy, trong thời gian qua tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, số lượng đơn thư gửi đến các cấp,



► Hình ảnh: Toàn cảnh Hội thảo

các ngành khá cao chủ yếu liên quan đến lĩnh vực hành chính và tư pháp, nội dung đơn thư tập trung vào công tác quản lý đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, tranh chấp đất đai giữa người dân và doanh nghiệp; khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thực thi công vụ. Nguyên nhân chính dẫn đến việc người dân khiếu nại, tố cáo chủ yếu là do quá trình triển khai thực hiện các dự án còn nhiều sai sót, chưa quan tâm thấu đáo đến quyền và lợi ích của người dân; công tác quản lý đất đai, ngành lĩnh vực chưa thật sự tốt; việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa hiệu quả, nhất là ở cấp cơ sở, nhiều vụ việc giải quyết sai quy trình, kéo dài khiến người dân bức xúc, gửi đơn thư lên cấp trên...

Việc khiếu nại, tố cáo đã

có những tác động không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan nhà nước. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của các cơ quan chức năng nói chung, và HĐND các cấp trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo để đưa ra biện pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác này là vấn đề rất cấp thiết.

Các đại biểu tham dự Hội thảo đã tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ, đặc biệt là đối với các giải pháp mà nhóm nghiên cứu đã đề xuất. Đó là cơ sở quan trọng để nhóm nghiên cứu tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tổng kết và các sản phẩm liên quan của nhiệm vụ, tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở và cấp tỉnh theo quy định./.

## NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG, ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001

✉ Mai Hoa

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020.

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Công ty TNHH

Tư vấn Quản lý Quốc tế và Hỗ trợ Kỹ thuật cao tổ chức 02 Khóa tập huấn nghiệp vụ xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001 năm 2019 cho các đối tượng là cán bộ, công chức của 37 đơn vị gồm các Sở, ban, ngành, các Chi cục, Ủy ban nhân dân cấp huyện/thị (từ ngày 11 - 14/3); cán bộ, công chức của 71 Ủy ban nhân dân xã, phường (từ ngày 19 - 22/3). Với các nội dung sau:

- Đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; So sánh sự thay đổi giữa tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008;

- Đào tạo cách thức xây dựng, cập nhật HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015;

- Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ HTQLCL và cấp chứng chỉ.

Thông qua Khóa tập huấn nhằm chuyển đổi việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL từ phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông; Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hệ thống hóa quy trình xử lý công việc hợp lý, khoa học, phù hợp với quy định của pháp luật; Xây dựng nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; Hướng tới xây dựng chính quyền kiến tạo, liêm chính và cung cấp dịch vụ có chất lượng, tạo sự hài lòng cho người dân.

## XÉT DUYỆT THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

✉ BBT

Hội đồng tư vấn Khoa học Công nghệ tỉnh Đắk Nông vừa tổ chức hội nghị xét duyệt thuyết minh Dự án đầu tư “Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm Hector” tại Sở Khoa học và Công nghệ. Dự án do Ths. Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Công ty TNHH LAVITE làm chủ nhiệm.

Dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với mục tiêu xây dựng và vận hành hiệu quả phức hợp “Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng một

số công nghệ cao và quy trình nhân nhanh nấm đông trùng hạ thảo, phát triển công thức, quy trình công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm thực phẩm, thực phẩm hỗ trợ sức khỏe...”, trong đó bao gồm 02 tiểu hạng mục dự án cụ thể: Dự án nhân giống đông trùng hạ thảo bằng công nghệ nuôi cấy mô và ứng dụng một số công nghệ cao khác; Dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản, ứng dụng công nghệ cao, cụ thể là máy chế biến thực phẩm từ đông trùng hạ thảo...

Tại hội nghị, sau khi nghe chủ

nhiệm Dự án trình bày tóm tắt thuyết minh, các ủy viên phản biện và ủy viên Hội đồng đều cho rằng, dự án phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, để hoàn thiện thuyết minh Dự án, các thành viên trong Hội đồng đề nghị tổ chức chủ trì thực hiện cần rà soát, bổ sung căn cứ pháp lý; Làm rõ tính cấp thiết của Dự án; Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung và tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn của Dự án; Thị trường tiêu thụ sản phẩm...

## HỘI THẢO KHOA HỌC “NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG PUZOLAN TỰ NHIÊN TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NÔNG THÔN, THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG”

Tin, ảnh: Nguyễn Mai, CTV

**N**gày 22/3, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Viện thủy công (thuộc Viện khoa học thủy lợi Việt Nam) tổ chức hội thảo khoa học Đề tài “Nghiên cứu sử dụng puzolan tự nhiên trong xây dựng và bảo trì các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”. Đến tham dự hội thảo có hơn 30 đại biểu là các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các Trường đại học, các Viện và cơ quan chuyên môn trên địa bàn tỉnh.

Đây là đề tài độc lập cấp Nhà nước do Viện Thủy công (Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam) chủ trì, Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, thực hiện từ tháng 3/2017 - 2/2019 với mục tiêu: đề xuất ứng dụng các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn puzolan tự nhiên trong xây dựng và bảo trì các công trình giao thông thủy lợi trên địa bàn, đồng thời triển khai xây dựng thực nghiệm 2km đường và đập tràn hồ Đắk Noh, tại thôn 9, xã Đắk Nia, thị xã Gia Nghĩa.

Theo các nhà khoa học nguồn puzolan tự nhiên tồn tại ở dạng đá bazan ở Tây Nguyên trong đó có Đắk Nông rất dồi dào, được sử dụng để sản xuất

xi măng Porland – Puzolan thay thế một phần xi măng trong bê tông đầm lăn, gạch không nung. Sử dụng nguồn vật liệu này trong công trình xây dựng giao thông, thủy lợi đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, giảm chi phí và góp phần bảo vệ môi trường. Theo kết quả nghiên cứu tại Đắk Nông, nguồn puzolan tự nhiên chủ yếu phân bố tại xã Quảng Phú và Buôn Chóah huyện Krông Nô, tổng diện tích 18 km<sup>2</sup>, trữ lượng dự kiến 83 triệu tấn.

Thông qua hội thảo, các đại biểu được nghe các báo cáo tham luận về kết quả nghiên cứu của đề tài, mô hình đường giao thông nông thôn, mô hình tràn sự cố với các thí nghiệm, thiết kế, thi công và đánh giá việc sử dụng puzolan và tro xỉ nhiệt điện

Nhân Cơ để chế tạo cầu kiện bê tông phục vụ xây dựng đường giao thông nông thôn.

Tại đây, các chuyên gia, các nhà khoa học đã đánh giá cao kết quả nghiên cứu của đề tài, đảm bảo tính khả thi, áp dụng vào thực tiễn địa phương. Dự kiến vào tháng 4, Hội đồng sẽ thực hiện nghiệm thu đề tài và chuyển giao kết quả nghiên cứu.



► Thi công mô hình tràn sự cố hồ Đắk Noh



► Hoàn thiện mô hình 2km đường

Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2019

## – Going for gold: IP & Sport

☞ Nguồn <https://ipc.net.vn>.

**N**gày 26/04 – Ngày Sở hữu Trí tuệ Thế giới hằng năm, là một dịp để chúng ta tìm hiểu về vai trò của quyền sở hữu trí tuệ trong việc khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo.

“Nhanh hơn, mạnh hơn, cao hơn!” Động lực để thử thách bản thân, sự hồi hộp trước mỗi cuộc thi đấu và sự sợ hãi mà chúng ta trải nghiệm khi chứng kiến những con người bình thường đạt được những chiến công phi thường, đó chính là những cảm giác đã thúc đẩy niềm đam mê của chúng ta đối với thể thao trong hàng ngàn năm qua.

Sở hữu trí tuệ và thể thao, đó chính là những gì mà Ngày sở hữu trí tuệ thế giới năm nay – Going for gold hướng đến. Chiến dịch sẽ đem đến cái nhìn cận cảnh hơn về thể giới thể thao, khám phá sự đổi mới sáng tạo và quyền sở hữu trí tuệ (IP) liên quan đến thể thao.

Những giá trị mà thể thao mang lại (bao gồm tài năng, sự tôn trọng và công bằng) là những giá trị khiến thể thao trở nên hấp dẫn trên toàn cầu. Ngày nay, nhờ những tiến bộ trong công nghệ phát thanh và truyền thông, bất cứ ai, dù ở bất cứ đâu, cũng đều có thể

theo dõi diễn biến thể thao cả ngày lẫn đêm, có thể theo dõi màn trình diễn của các vận động viên và đội mình yêu thích mà không cần phải rời khỏi nhà.

Thể thao đã trở thành một ngành công nghiệp toàn cầu trị giá hàng tỷ đô la – một ngành giúp thu hút đầu tư vào cơ sở hạ tầng (từ phòng tập thể thao đến mạng lưới phát sóng), thu hút hàng triệu người trên khắp thế giới và mang tính giải trí nhiều hơn.

Những thương vụ kinh doanh được xây dựng trên quyền sở hữu trí tuệ giúp bảo đảm giá trị kinh tế của thể thao. Ngược lại, chúng kích thích sự phát triển của ngành bằng

cách cho phép các tổ chức thể thao tài trợ sự kiện mà chúng ta thường thức và cung cấp các phương tiện để thúc đẩy phát triển thể thao.

Hãy nhìn vào cách các doanh nghiệp thể thao sử dụng bằng sáng chế để thúc đẩy sự phát triển cơ sở vật chất, huấn luyện và thiết bị thể thao mới giúp cải thiện thành tích thể thao và thu hút người hâm mộ trên toàn thế giới. Chúng ta sẽ hiểu được làm thế nào các nhãn hiệu và thương hiệu có thể tối đa hóa doanh thu từ các thỏa thuận tài trợ, bán hàng và cấp phép. Các khoản thu này sẽ bù đắp chi phí tổ chức các sự kiện tầm cỡ thế giới chẳng hạn như Thế vận

## WORLD IP DAY 2019



### Going for Gold: IP and Sports

hội Olympic và World Cup và đảm bảo rằng giá trị, tính toàn vẹn của các sự kiện tầm cỡ này sẽ được bảo vệ.

Nhìn vào cách các vận động viên thể thao tạo thu nhập từ hợp đồng tài trợ và tận dụng thương hiệu mình, chúng ta biết được rằng quyền phát sóng củng cố mối quan hệ giữa thể thao và truyền hình đồng thời các phương tiện truyền thông khác sẽ đưa người hâm mộ đến gần hơn với thể thao.

Nhìn cận cảnh hơn vào những tiến bộ công nghệ trong trò chơi liên quan đến robot và trí tuệ nhân tạo, chúng đang góp phần thúc đẩy sự thay đổi trong tất cả các lĩnh vực thể thao.

Chiến dịch năm nay là một cơ hội để tôn vinh những người anh hùng thể thao và tất cả mọi người trên khắp thế giới, những con người phía sau hậu trường đang góp phần đổi mới sáng tạo để tăng sức hấp dẫn toàn cầu của thể thao.

Hãy cùng chúng tôi tôn vinh sức mạnh của thể thao để truyền cảm hứng đổi mới và đoàn kết tất cả chúng ta trong việc đẩy lùi ranh giới thành tựu của con người.

Hãy tham gia và cho chúng tôi biết về người hùng thể thao của bạn và sự đổi mới sáng tạo trong thể thao mà bạn yêu thích đồng thời chia sẻ suy nghĩ của bạn về tương lai của ngành công nghiệp thể thao nhé.

---

## **ĐẮK NÔNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO QUA 4 GIAI ĐOẠN**

✎ LQ - MH

**T**heo đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNƯDCNC) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 Đắk Nông sẽ hình thành 55 vùng NNƯDCNC gắn với các loại cây trồng, vật nuôi thế mạnh của tỉnh.

Đề án sẽ chia thành 4 giai đoạn: giai đoạn đến 2020 hình thành 3 vùng NNƯDCNC; giai đoạn 2: từ 2021- 2025 phát triển thêm 20 vùng, giai đoạn 3: từ 2026 - 2030 tiếp tục phát triển thêm 20 vùng; 2031- 2035 phát triển thêm 12 vùng. Theo đó, đến năm 2035, tỉnh Đắk Nông sẽ xây dựng 55 vùng đủ điều kiện đạt tiêu chí NNƯDCNC tại các huyện, thị xã trên địa

bàn tỉnh với tổng diện tích 28.636 ha. Cụ thể, hình thành 17 vùng cà phê; 11 vùng hồ tiêu và các vùng sản xuất ngô, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt ao hồ nhỏ; sản xuất giống thủy sản; nuôi bò thịt, bò sinh sản; nuôi heo; nuôi gia

cầm; sản xuất rau; sản xuất lúa; đậu tương và vùng nuôi cá lồng nước ngọt. Trên cơ sở đó, tỉnh đặt ra mục tiêu đưa tỷ trọng giá trị sản xuất NNƯDCNC chiếm ít nhất 60 đến 70% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh vào năm 2035./.



► Mô hình trồng hoa trong nhà lưới tại Khu nông nghiệp ứng dụng CNC của tỉnh.  
Ảnh: [daknong.gov.vn](http://daknong.gov.vn)